

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHÙNG LÊ HẢI

**PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TỪ THỰC
TIỄN TỈNH QUẢNG NINH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐẶNG VŨ HUÂN

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là hoàn toàn trung thực và có nguồn trích dẫn rõ ràng. Kết quả nghiên cứu của luận văn không có sự trùng lặp với bất kỳ công trình nào đã công bố.

Hà Nội, tháng 8 năm 2016

Tác giả

Phùng Lê Hải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ	8
1.1. Khái quát về hoạt động xúc tiến đầu tư.....	8
1.2. Khái niệm về pháp luật xúc tiến đầu tư.....	13
Chương 2 : THỰC TRẠNG VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ Ở QUẢNG NINH	31
2.1. Thực trạng pháp luật về xúc tiến đầu tư ở Việt Nam	31
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật xúc tiến đầu tư tại Tỉnh Quảng Ninh.....	44
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ Ở QUẢNG NINH	60
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư	60
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư	65
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Doanh nghiệp:	DN
Khu công nghiệp:	KCN
Khu kinh tế:	KKT
Khu kinh tế cửa khẩu:	KKTK
Xúc tiến đầu tư:	XTĐT
Ủy ban nhân dân:	UBND

DANH MỤC ĐỒ THỊ

2.1	Các Khu kinh tế và Khu Công nghiệp ở Quảng Ninh	47
2.2	Hạ tầng Nhà máy sản xuất sợi của Tập đoàn Texhong tại KCN Hải Hà	48
2.3	Danh sách Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2015	50
2.4	Vinpearl Hạ Long Bay Resort	57

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác xúc tiến đầu tư đang ngày càng giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của quốc gia cũng như của các địa phương trong cả nước. Bất kỳ hình thức xúc tiến đầu tư nào cũng luôn hướng tới việc thu hút hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực cần phát triển để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, phát triển kinh tế không còn được hiểu theo nghĩa hẹp mà phát triển kinh tế phải gắn với hội nhập, tính hiệu quả được đề cao, quyết định kết quả của công tác xúc tiến. Công tác xúc tiến đầu tư có vai trò vô cùng quan trọng nhưng trong hệ thống pháp luật Việt Nam từ xưa đến nay chưa từng quy định cụ thể về chế định này. Nó chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về đầu tư, về doanh nghiệp, đầu tư... và được coi là một hành vi thương mại, chứ chưa được quy định là một chế định riêng biệt.

Sự ra đời của Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 đã tạo cơ sở quan trọng cho việc tiến hành các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút nguồn vốn nước ngoài vào Việt Nam. Cùng với việc hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, chính sách, môi trường đầu tư trong từng giai đoạn khác nhau, hàng loạt các văn bản pháp luật đã được ban hành, có tác động trực tiếp đến hoạt động xúc tiến đầu tư. Đặc biệt, việc ra đời Quyết định số 109/2007/QĐ-TTg, ngày 17/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia đã tạo bước ngoặt mới, đánh dấu sự phát triển về chất của pháp luật xúc tiến đầu tư tại Việt Nam. Quan trọng hơn, công tác xúc tiến đầu tư cũng đã được đề cập tại Luật Đầu tư năm 2005 và đặc biệt là trong Luật Đầu tư năm 2014... Nhờ vậy mà đến nay, hoạt động xúc tiến đầu tư đã có sự cân đối ở cấp quốc gia, tăng cường tính hiệu quả, giảm bớt sự trùng lặp giữa các bộ, ngành và địa phương, tránh lãng phí các nguồn lực. Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy là dù đã có rất nhiều văn bản pháp luật ra đời để điều chỉnh hoạt động xúc tiến đầu

tư, nhưng đến nay, vẫn chưa có một chiến lược tổng thể về lĩnh vực này. Các nội dung điều chỉnh còn tản mạn, thiếu bài bản, chỉ mới dừng ở mức xem xét mục tiêu gắn với các yêu cầu của từng mốc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và chủ yếu là mang tính tình thế, ví dụ như phục vụ cho việc Việt Nam gia nhập WTO hay đối phó với khủng hoảng kinh tế thế giới. Mặt khác, việc áp dụng pháp luật về xúc tiến đầu tư trên địa bàn cả nước nói chung và các tỉnh, thành phố nói riêng còn có một số bất cập, thiếu tính đồng bộ và chưa thực sự phù hợp.

Quảng Ninh là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc Bộ, phía Bắc giáp Trung Quốc với 118,8 km đường biên giới, phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ, phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương, phía Nam giáp thành phố Hải Phòng, với tổng diện tích trên 12.200 km², trong đó có trên 6.100 km² diện tích đất liền và trên 6.100 km² diện tích mặt nước biển. Vùng biển và hải đảo của Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo với hơn hai nghìn hòn đảo, chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước, trải dài theo đường ven biển hơn 250 km.

Về tiềm năng kinh tế, Quảng Ninh là tỉnh có vị trí địa chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại; nằm trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt-Trung, hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng, là cầu nối ASEAN - Trung Quốc và hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore...; có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước không có được như: than đá, cao lanh tấn mài, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi...; có tài nguyên du lịch đặc sắc vào bậc nhất của cả nước với nhiều bãi biển đẹp nổi tiếng. Đặc biệt có Vịnh Hạ Long 2 lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, là Kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới; quần thể Vịnh Bái Tử Long với khoảng 600 hòn đảo đất và đảo đá, biệt lập với đất liền có cảnh quan đặc sắc, đa dạng. Đây là những tiềm năng khác biệt và cơ hội nổi trội để phát triển các loại hình du lịch, hướng đến phát triển dịch vụ văn hóa - giải trí. Toàn tỉnh có 14 huyện, thị, thành phố và 186 xã, phường, thị trấn, trong đó, có 04

thành phố trực thuộc. Dân số hiện nay là 1,185 triệu người, trong đó, dân số thành thị chiếm tỷ lệ 50,3%. Con người và xã hội Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, sự thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng, có truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân Vùng Mỏ với “di sản” tinh thần vô giá “kỳ luật và đồng tâm”. Đây là điều kiện thuận lợi xây dựng khối đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi khó khăn, thách thức; góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Là một cán bộ có thời gian dài công tác trong ngành đầu tư của tỉnh Quảng Ninh, học viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác xúc tiến đầu tư tại Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, cũng như vai trò của pháp luật đối với hoạt động xúc tiến đầu tư làm cơ sở để phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy, em đã mạnh dạn lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về xúc tiến đầu tư từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh”*** để nghiên cứu và làm Luận văn Thạc sỹ luật học. Đây là đề tài thực sự mang tính cấp thiết không chỉ ở mặt lý luận, mà còn là đòi hỏi của thực tiễn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Xúc tiến đầu tư là lĩnh vực được quan tâm nghiên cứu nhiều trong thời gian gần đây. Đề cập về xúc tiến đầu tư nói chung và pháp luật về xúc tiến đầu tư nói riêng đã có khá nhiều công trình nghiên cứu, luận án, luận văn, sách chuyên khảo bàn luận về vấn đề này. Có thể kể tới các công trình nghiên cứu như: *“Hoàn thiện chính sách và tổ chức thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam”*, sách chuyên khảo của tác giả Mai Ngọc Cường – Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, năm 2000; *“Quản lý nhà nước đối với xúc tiến đầu tư”*, sách chuyên khảo của tác giả Trần Văn Nam - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2005; *“Xây dựng một lộ trình thu hút vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2003- 2010”*, đề tài nghiên cứu cấp Bộ của TS. Nguyễn Ngọc Định, năm 2010; *“Chiến lược đổi mới chính sách huy động các nguồn vốn nước ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001- 2015”*, đề tài nghiên cứu cấp

Bộ của tác giả Trương Thái Phiên, năm 2000; “*Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Ái Liên, năm 2012; “*Giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Kim Nhã, năm 2010; “*Một số biện pháp thúc đẩy việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ của tác giả Bùi Huy Nhung, năm 2009; “*Một số giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước nhóm G7 vào Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ của tác giả Trần Anh Phương, năm 2008; “*Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập*”, Luận án Tiến sĩ của tác giả Nguyễn Quang Vinh, năm 2007; “*Chuyển đổi các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ của tác giả Phạm Thu Phương, năm 2014; “*Các giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2010 – 2015*”, Luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Tử Quỳnh, năm 2010; “*Thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn duyên hải miền trung*”, Luận văn Thạc sĩ: của tác giả Phạm Thanh Việt, năm 2012; “*Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thừa Thiên Huế*”, Luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Ánh Linh, năm 2012...

Có thể khẳng định rằng, đã có không ít những nghiên cứu đề cập tới nhiều khía cạnh của xúc tiến đầu tư với những góc độ tiếp cận khác nhau. Các nghiên cứu này đã trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra các mục tiêu, phương hướng, luận cứ khoa học cũng như các giải pháp nhằm từng bước nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến đầu tư. Tuy nhiên, ít có công trình nào nghiên cứu một cách chuyên sâu và toàn diện từ góc độ luật học về những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật xúc tiến đầu tư ở nước ta hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu khái quát các vấn đề lý luận của pháp luật xúc tiến đầu tư; nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật, những thành tựu của việc thực hiện pháp luật về xúc tiến đầu tư của nước ta trên cơ sở đánh giá từ thực tiễn địa bàn tỉnh Quảng Ninh, từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, phát huy vai trò của pháp luật về xúc tiến đầu tư tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn được xác định là:

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về xúc tiến đầu tư và pháp luật về xúc tiến đầu tư của Việt Nam.
- Đánh giá tổng quát về thực trạng pháp luật về xúc tiến đầu tư của nước ta hiện nay, từ đó, phân tích và đánh giá kết quả thực tiễn thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư tại Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những quy định của pháp luật nước ta hiện nay về xúc tiến đầu tư và việc áp dụng các quy định này từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh. Để nghiên cứu được khách quan toàn diện, luận văn cũng xem xét sơ lược lịch sử pháp luật về xúc tiến đầu tư ở Việt Nam trước đây, cũng như tại một số quốc gia trên thế giới.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nhằm làm rõ thực trạng pháp luật và việc thực hiện pháp luật về xúc tiến đầu tư, cũng như thành tựu của việc thực hiện pháp luật về xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, phạm vi nghiên cứu của luận văn được thực hiện từ khi có Luật Đầu tư chung năm 2005 và bước phát triển của Luật Đầu tư năm 2014.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư nói chung và pháp luật về xúc tiến đầu tư nói riêng.

Để thực hiện các nội dung nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp cụ thể như: Phân tích, tổng hợp, lịch sử, so sánh, thảo luận, tọa đàm và kết hợp các phương pháp khác như: hệ thống, cụ thể, lôgic, điều tra xã hội...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt khoa học, Luận văn là một trong những công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học pháp lý Việt Nam ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học, nghiên cứu một cách có hệ thống về pháp luật xúc tiến đầu tư hiện nay. Kết quả nghiên cứu và những kiến nghị của luận văn có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả xây dựng và áp dụng pháp luật về xúc tiến đầu tư ở nước ta. Thông qua luận văn, tác giả mong muốn đóng góp phần nhỏ bé của mình vào việc nâng cao hiệu quả của hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ta và tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh hội nhập, giữa giai đoạn kinh tế thế giới đang có nhiều khó khăn như hiện nay.

Về mặt thực tiễn, Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy về pháp luật xúc tiến đầu tư; làm tài liệu nghiên cứu cho tất cả những ai quan tâm, muốn tìm hiểu về pháp luật xúc tiến đầu tư...

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn được kết cấu 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về xúc tiến đầu tư và pháp luật về xúc tiến đầu tư

Chương 2: Thực trạng và thực thi pháp luật về xúc tiến đầu tư ở Quảng Ninh

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư ở Quảng Ninh

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

1.1. Khái niệm về hoạt động xúc tiến đầu tư

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động xúc tiến đầu tư

1.1.1.1. Khái niệm xúc tiến đầu tư

Theo Tổ chức SRI International, xúc tiến đầu tư (investment promotion) là “tập hợp những hoạt động nhằm khuyến khích các tập đoàn, đơn vị kinh doanh tư nhân hay doanh nghiệp đầu tư mới hay mở rộng kinh doanh sản xuất tại nước sở tại, qua đó nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là sự gia tăng trong số việc làm, doanh thu, lượng giá trị xuất khẩu hoặc các lợi ích kinh tế có liên quan khác” [25].

Một cách tiếp cận khác của Wells và Wint (2000) thì “xúc tiến đầu tư bao gồm những hoạt động marketing nhất định được thực hiện bởi các Chính phủ, tổ chức nhằm thu hút các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài” [27]. Các hoạt động này bao gồm: Quảng cáo, gửi thư marketing trực tiếp, hội thảo đầu tư, tổ chức các phái đoàn xúc tiến đầu tư, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại, phát hành các ấn phẩm, tài liệu; các nỗ lực marketing trực tiếp; tạo điều kiện cho nhà đầu tư đến thăm, giao lưu, hợp tác với các doanh nghiệp địa phương, giúp đỡ nhà đầu tư nước ngoài được cấp phép kinh doanh, chuẩn bị dự án, hướng dẫn nghiên cứu khả thi và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư đi vào hoạt động.

Không có một khái niệm nhất quán về xúc tiến đầu tư, nhưng nhìn chung, xúc tiến đầu tư là một công cụ với mục đích thu hút đầu tư. Luận văn bám theo quan điểm của Wells và Wint, xúc tiến đầu tư là một hoạt động kinh tế - xã hội nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc thu hút các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước đến đất nước mình, địa phương mình... để đầu tư. Hay nói cách khác, hoạt động xúc tiến đầu tư thực chất là hoạt động marketing trong thu hút đầu tư mà kết quả của hoạt

động này chính là nguồn vốn đầu tư thu hút được. Thực chất của vấn đề là làm thế nào để tạo dựng được thương hiệu của một quốc gia, một địa phương để các nhà đầu tư gắn liền nó với những đặc điểm chất lượng mà họ yêu cầu.

Hoạt động xúc tiến đầu tư có vai trò quảng bá hình ảnh của một đất nước, một địa phương về môi trường đầu tư sở tại nhằm thu hút dòng vốn đầu tư vào địa bàn. Dòng vốn đầu tư chính là dòng tiền thông minh của các tập đoàn lớn, các công ty xuyên quốc gia, luôn được thu hút về những nơi có môi trường tốt và có những điều kiện thuận lợi. Hơn nữa, trong xu thế hội nhập và cạnh tranh khắc nghiệt như hiện nay, thì việc thu hút đầu tư giữa các địa phương khác nhau ngày càng trở nên dữ dội hơn. Như vậy, sự cạnh tranh gay gắt giữa các địa bàn đã làm cho công tác xúc tiến đầu tư trở thành một hoạt động tất yếu và ngày càng được gia tăng không chỉ ở những nước, những địa phương phát triển mà còn ở những nước, những địa phương đang phát triển. Nội dung của hoạt động xúc tiến đầu tư thường bao gồm: Chiến lược xúc tiến đầu tư, cơ quan xúc tiến đầu tư, xây dựng hình ảnh, lựa chọn mục tiêu, dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư, và hỗ trợ xây dựng chính sách cải thiện môi trường đầu tư. Các yếu tố chính tác động đến hoạt động xúc tiến đầu tư gồm có: Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng quốc gia/địa phương; xu hướng đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước; môi trường đầu tư.

1.1.1.2. Đặc điểm của hoạt động xúc tiến đầu tư

- *Về tính chất*, xúc tiến đầu tư là một loại hoạt động đầu tư. Đặc điểm này cho phép khẳng định, xúc tiến đầu tư là nhằm mục đích kinh doanh, ưu đãi và khuyến khích đầu tư, thúc đẩy các hoạt động này thực hiện với hiệu quả cao nhất.

- *Về chủ thể*, Chủ thể của hoạt động xúc tiến đầu tư là các cơ quan có thẩm quyền được phép thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư theo quy định của pháp luật hay nói cách khác là các cơ quan Quản lý Nhà nước về đầu tư, cơ quan/tổ chức có chức năng thực hiện công tác xúc tiến đầu tư như Bộ Kế hoạch

và Đầu tư, Sở Kế hoạch và đầu tư, Ban quản lý các KCN/KKT, KCNC, Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư, Trung tâm xúc tiến đầu tư....

- *Về mục đích*, xúc tiến đầu tư nhằm mục đích trực tiếp là nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc thu hút các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước đến đất nước mình, địa phương mình... để đầu tư. Về mặt lý luận, hoạt động đầu tư và hoạt động thương mại mang bản chất khác nhau (hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mục đích sinh lời và thường do thương nhân thực hiện, có ý nghĩa hỗ trợ cho hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ...), nhưng cách thức để xúc tiến những hoạt động đó thì có nhiều nét tương đồng. Trong mọi trường hợp, các biện pháp thông tin, marketing, triển lãm... nhằm thu hút dòng tiền thông minh tới các dự án đầu tư, mang đến hiệu quả thương mại và đầu tư.

- *Về cách thức thực hiện*, do có đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, dù là nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài thì cũng chỉ có 2 hình thức đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

1.1.2. Vai trò và các hình thức xúc tiến đầu tư

1.1.2.1. Vai trò của xúc tiến đầu tư

Vai trò của hoạt động xúc tiến đầu tư được thể hiện qua các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, xúc tiến đầu tư có thể tác động lớn đến mức độ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư trong nước của một địa phương. Cụ thể là gia tăng 10% trong ngân sách xúc tiến đầu tư sẽ làm tăng 2.5% lượng vốn FDI; và với mỗi 1\$ chi phí cho các hoạt động xúc tiến đầu tư ban đầu sẽ thu về được một giá trị ròng tương ứng gấp gần 4 lần. Xúc tiến đầu tư có vai trò đặc biệt quan trọng nhất là khi chủ đầu tư còn đang trong giai đoạn tìm hiểu, thăm dò, lựa chọn địa điểm đầu tư. Hoạt động xúc tiến đầu tư mang đến cho chủ đầu tư những thông tin liên quan đến ý định đầu tư của họ, giúp các nhà đầu tư có cái nhìn tổng quát, chính xác và kịp thời về quốc gia, địa phương mà họ định đầu tư để họ có cơ sở cân nhắc và đi đến quyết định cuối cùng. Như vậy, hoạt động xúc

tiền đầu tư có vai trò rút ngắn thời gian trong việc ra quyết định đầu tư của nhà đầu tư.

Vốn đầu tư không phải tự nhiên mà đến với quốc gia này, địa phương kia. Để ra được quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư, các nhà đầu tư phải tìm hiểu tỉ mỉ, tính toán kỹ lưỡng và đưa ra các phương án tối ưu nhất. Hiện nay, các quốc gia đang cạnh tranh nhau rất gay gắt trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, do vậy hoạt động xúc tiến đầu tư ngày càng trở nên sôi động và quan trọng hơn bao giờ hết. Hiệu quả của hoạt động xúc tiến đầu tư được thể hiện ngay ở kết quả thu hút đầu tư. Nếu hoạt động xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả cao thì lượng vốn đầu tư thu hút được nhiều và ngược lại. Do vậy, xúc tiến đầu tư góp phần đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ hai, xúc tiến đầu tư với các hoạt động xây dựng hình ảnh đóng vai trò như là chiếc cầu nối giúp giải quyết sự bất cân xứng thông tin, các hoạt động này sẽ giúp các nhà tư vấn/ môi giới hay chính các nhà đầu tư có được những thông tin tổng thể, chính xác về môi trường đầu tư, thông qua đó, lợi thế cạnh tranh của nước sở tại về thu hút đầu tư nước ngoài cũng được tăng cường, nâng cao.

Thứ ba, xúc tiến đầu tư sẽ giúp môi trường đầu tư của địa phương được cải thiện, trở nên thông thoáng, các chi phí thủ tục hành chính được giảm thiểu, chi phí gia nhập thị trường của nhà đầu tư sẽ thấp hơn. Ngoài việc phát triển cơ sở hạ tầng của toàn xã hội, nước chủ nhà cần xây dựng những khu vực đặc biệt cung cấp những dịch vụ đầu tư tốt nhất cùng với những điều kiện ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả cuối cùng của công tác xúc tiến đầu tư là hiệu quả của việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, chúng ta có thể thu hút đầu tư nước ngoài nhiều hay không và với chất lượng ra sao. Công tác xúc tiến đầu tư đã gián tiếp góp phần hình thành các khu chế xuất, khu công nghệ cao. Xúc tiến đầu tư tạo ra dòng chảy vốn một cách hợp lý, huy động tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

Thứ tư, xúc tiến đầu tư tạo điều kiện đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có thể nói cơ sở hạ tầng có vai trò làm nền móng cho các hoạt động đầu tư. Nước chủ nhà cần phải chuẩn bị cơ sở hạ tầng tốt trước khi tiếp nhận đầu tư. Đó là các công việc như xây dựng đường xá giao thông, bến bãi, nhà ga, hệ thống cung cấp điện nước, thông tin, bưu điện. Chi phí đầu tư cho cơ sở hạ tầng là rất lớn, vì vậy, khi đầu tư ra nước ngoài thì các nhà đầu tư luôn quan tâm đến chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng – điều kiện quyết định hiệu quả đầu tư của họ. Ở những nước đang phát triển, các nhà đầu tư thường tập trung vào những vùng miền có chất lượng cơ sở hạ tầng tốt, điều này sẽ giúp nhà đầu tư giảm được chi phí.

Thứ năm, xúc tiến đầu tư mở ra cơ hội hội nhập kinh tế thế giới nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Xúc tiến đầu tư là hoạt động quảng bá hình ảnh Việt Nam với các nhà đầu tư, bạn bè trong khu vực và trên thế giới. Rất nhiều cuộc hội thảo, cuộc xúc tiến đầu tư nước ngoài được tổ chức với sự quan tâm của đông đảo các nhà đầu tư. Điều này cho thấy Việt Nam là điểm đến đáng chú ý của nhiều nhà đầu tư, điều này cũng tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế trong khu vực cũng như trên thế giới. Hình ảnh của Việt Nam trong lòng bạn bè thế giới và các nhà đầu tư được nâng lên với Việt Nam là một địa điểm có môi trường đầu tư tốt, khá thuận lợi với nhiều chính sách ưu đãi và khuyến khích đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này cũng góp phần tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1.1.2.2. Các hình thức xúc tiến đầu tư

Có 2 hình thức xúc tiến đầu tư là xúc tiến trực tiếp và xúc tiến gián tiếp.

- *Xúc tiến đầu tư trực tiếp* là xúc tiến đầu tư bằng cách trao đổi và quảng bá các thông tin một cách trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua các cuộc gặp gỡ, trao đổi, các cuộc hội thảo, hội chợ...

- *Xúc tiến đầu tư gián tiếp* là hình thức xúc tiến thông qua hoạt động trung gian như kênh thông tin đại chúng để có thể đem tới các nhà đầu tư các thông tin

đầy đủ và chính xác giúp cho các nhà đầu tư tìm thấy các cơ hội để ra quyết định đầu tư.

Đối với hình thức xúc tiến đầu tư trực tiếp, bên xúc tiến có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác đến các nhà đầu tư. Các thỏa thuận, hợp đồng được xúc tiến thành công sẽ được thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả. Các kết quả và hiệu quả xúc tiến sẽ được thể hiện và nhanh chóng, qua đó có thể sửa đổi và điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó, xúc tiến đầu tư trực tiếp có thể giúp các nhà đầu tư giải đáp được những thắc mắc giúp tiết kiệm thời gian và chi phí trung gian cho nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư. Tuy nhiên, xúc tiến đầu tư theo hình thức trực tiếp rất tốn kém và khó thực hiện.

1.2. Khái niệm về pháp luật xúc tiến đầu tư

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật xúc tiến đầu tư

Nhằm tạo khung pháp lý thuận lợi, minh bạch cho việc tăng cường hoạt động đầu tư phát triển kinh tế xã hội, các quốc gia đều chú trọng hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Pháp luật của nhiều quốc gia đều chú trọng đến cơ chế chính sách nhằm khuyến khích nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp hỗ trợ, dự án công nghệ cao...; hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư, bảo đảm tính hệ thống từ ưu đãi thuế, ưu đãi tài chính đến ưu đãi phi tài chính; thống nhất giữa chính sách thuế và chính sách đầu tư nhằm góp phần nâng cao tính cạnh tranh với các nước khác về thu hút đầu tư nước ngoài; gắn ưu đãi theo ngành, lĩnh vực ưu tiên theo vùng lãnh thổ để thúc đẩy sự phân công lao động giữa các địa phương; thực hiện ưu đãi đầu tư có chọn lọc phù hợp với định hướng mới đối với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; nghiên cứu, bổ sung ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp. Đồng thời, rà soát, bỏ bớt các hạn chế không cần thiết và cho phép tham gia nhiều hơn vào các thị trường vốn, thị trường tài chính trên nguyên tắc hiệu quả, nhưng chặt chẽ. Hoàn thiện cơ chế phân cấp việc cấp giấy chứng

nhận đầu tư nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, chịu trách nhiệm của địa phương, đồng thời đảm bảo quản lý thống nhất các dự án quy mô lớn, có sức lan tỏa, có tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng và quốc gia. Hầu hết các quốc gia đã ban hành Luật để điều chỉnh hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quy định quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư.

Đối với hoạt động xúc tiến đầu tư, bao gồm xúc tiến để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào trong nước và xúc tiến đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp trong nước ra nước ngoài, chính sách pháp luật về đầu tư là cơ sở nền tảng để mở rộng và thúc đẩy hoạt động xúc tiến đầu tư. Tuy nhiên, việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động xúc tiến đầu tư là nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đầy đủ, thống nhất cho công tác quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư, bảo đảm việc quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư hiệu quả, tạo điều kiện động viên các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tích cực, chủ động tham gia vào hoạt động xúc tiến đầu tư.

Pháp luật về xúc tiến đầu tư được ban hành với mục tiêu là nhằm khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực. Khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa; huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Pháp luật về xúc tiến đầu tư cũng quy định cụ thể về nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư; nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư; việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư; kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư; chế độ thông tin, báo cáo; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong hoạt động xúc tiến đầu tư...

Như vậy, pháp luật về xúc tiến đầu tư được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm quy định nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư; nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư; việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư nhằm khuyến khích hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chông chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tính hiệu quả của pháp luật về xúc tiến đầu tư có đặc điểm cơ bản là phụ thuộc vào chính sách, pháp luật về đầu tư của các quốc gia. Kinh nghiệm pháp luật một số quốc gia cho thấy, môi trường đầu tư và chính sách đầu tư ảnh hưởng to lớn đến hoạt động xúc tiến đầu tư, trong đó, các vấn đề pháp lý như thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật... là những ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng xúc tiến đầu tư.

Ở Trung Quốc, thành tựu trong thu hút FDI trong thời gian qua thể hiện rõ qua việc hoạch định chính sách đầu tư. Cụ thể là, trong từng giai đoạn, Chính phủ Trung Quốc ban hành các chính sách như: (i) Chính sách phát triển ngành sản xuất (đó là những quy định hướng dẫn đầu tư đối với thương nhân nước ngoài và danh mục hướng dẫn về ngành sản xuất để thu hút FDI); (ii) Chính sách phát triển vùng lãnh thổ, chủ yếu thông qua các biện pháp như thành lập khu kinh tế đặc biệt, khu phát triển khoa học kỹ thuật và mở cửa các thành phố ven biển, tạo điều kiện thuận lợi và tập trung thu hút FDI vào đó. Ban hành “danh mục ngành sản xuất ưu thế của miền Trung và miền Tây Trung Quốc kêu gọi các thương nhân nước ngoài đầu tư”, “ưu tiên gia tăng nguồn vốn tín dụng trong và ngoài nước đầu tư xây dựng công trình hạ tầng và bảo vệ môi trường của miền Trung và miền Tây. Nếu các dự án khuyến khích đầu tư vào miền Trung và miền Tây Trung Quốc, sau khi hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế

thu nhập doanh nghiệp thì tiếp tục được giảm 15% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm tiếp theo. Khuyến khích thương nhân nước ngoài đã đầu tư vào miền Đông Trung Quốc tái đầu tư vào khu vực miền Tây và miền Trung. Cho phép các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại các thành phố ven biển nhận khoán quản lý kinh doanh các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các xí nghiệp Trung Quốc tại các tỉnh miền Tây và miền Trung. Cho phép các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc tỉnh và khu tự trị của miền Tây và miền Trung lựa chọn thành lập khu phát triển cấp Nhà nước. (iii) Chính sách chi viện về tài chính đối với các xí nghiệp đầu tư nước ngoài như: Xí nghiệp đầu tư tại Trung Quốc có nhu cầu về vốn căn cứ theo quy định của pháp luật được vay vốn tại các ngân hàng Trung Quốc. Thời hạn lãi suất và phí vay về cơ bản áp dụng như các xí nghiệp của Trung Quốc. Các xí nghiệp nước ngoài khi muốn vay vốn tại Trung Quốc được các ngân hàng thương mại Trung Quốc bảo lãnh. Các khoản tiền vốn ngoại tệ và tài sản ở hải ngoại của các đơn vị này có thể dùng để thế chấp vay vốn. Các xí nghiệp nước ngoài ở Trung Quốc nếu có đủ tiêu chuẩn được xin phép phát hành cổ phiếu. Căn cứ theo nguyên tắc chủ động và thỏa đáng, Chính phủ Trung Quốc cung cấp sự đảm bảo về rủi ro chính trị, bảo hiểm và thực hiện hợp đồng, bảo hiểm về bảo lãnh đối với những hạng mục đầu tư trọng điểm trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông mà chính phủ khuyến khích đầu tư. Về khung pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, Trung Quốc ban hành các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài như: Luật Xí nghiệp chung vốn kinh doanh giữa Trung Quốc với nước ngoài; Điều lệ chi tiết thi hành Luật Xí nghiệp chung vốn kinh doanh giữa Trung Quốc với nước ngoài; Luật Xí nghiệp do nước ngoài do xí nghiệp đầu tư, các quy định và ưu đãi về thuế, ưu đãi về vay vốn đầu tư, về quyền sử dụng đất... Với chính sách đầu tư như trên, hoạt động xúc tiến thương mại ở Trung Quốc những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể và trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới [21].

Ở Thái Lan, chính sách đầu tư cũng đã mở ra các cơ hội đầu tư mới cho nhà đầu tư nước ngoài. Sau hơn 15 năm gắn bó với các luật lệ tương tự nhau, Thái Lan cũng đã tuyên bố sẽ cập nhật chính sách đầu tư mới. Hội đồng đầu tư của Thái Lan (BOI) đã công bố một chiến lược đầu tư trong 7 năm làm thay đổi đáng kể cho một số chính sách về xúc tiến đầu tư. Các chính sách mới có hiệu lực kéo dài đến cuối năm 2021, nhằm mục đích tái cơ cấu nền kinh tế của Thái Lan sang một hình thức tập trung hơn về xúc tiến đầu tư. Các chính sách sửa đổi của BOI là nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài với trọng tâm là đầu tư trong 6 lĩnh vực chủ yếu sau: Đầu tư nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; các hoạt động thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, hoặc sử dụng năng lượng thay thế; đầu tư tập trung dựa trên tiềm năng của quốc gia và nâng cao chuỗi giá trị; đầu tư vào các tỉnh biên giới ở miền Nam Thái Lan nhằm phát triển kinh tế địa phương; khu kinh tế đặc biệt nơi tạo kết nối kinh tế với các quốc gia lân cận và đầu tư nước ngoài để tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Thái Lan và thể hiện rõ vai trò của Thái Lan trong nền kinh tế toàn cầu.

Theo Luật Xúc tiến đầu tư mới của Thái Lan, các nhà đầu tư nước ngoài tại Thái Lan được quyền sử dụng các ưu đãi tài chính và đặc quyền, bao gồm:

Các ưu đãi về thuế: Miễn, giảm ½ thuế nhập khẩu máy móc thiết bị; giảm tối đa không quá 95% thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu thô và thiết yếu; miễn thuế thu nhập cá nhân thuộc pháp lý trên cơ sở trên lợi nhuận ròng phát sinh từ các hoạt động theo quy định của BOI; giảm 50% thuế thu nhập cá nhân thuộc pháp lý trên lợi nhuận thu được từ hoạt động xúc tiến đầu tư; khấu trừ 2 lần vào các chi phí giao thông, điện, nước; khấu trừ thuế từ lợi nhuận sau thuế, tối đa không quá 25% của chi phí lắp đặt, xây dựng cơ sở vật chất; miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu thô và thiết yếu để sử dụng trong sản xuất để xuất khẩu...

Về ưu đãi ngoài thuế: Cho phép công dân nước ngoài vào nước với mục đích nghiên cứu các cơ hội đầu tư; cho phép đưa lao động nước ngoài có tay nghề cao, các chuyên gia và người phối ngẫu/người phụ thuộc có trình độ cao vào Thái Lan; cho phép sở hữu đất đai để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư; cho phép chuyển tiền ra nước ngoài bằng ngoại tệ...

Về giấy phép làm việc, theo Luật Lao động nước ngoài B.E.2551, trong một số trường hợp người nước ngoài không cần phải xin giấy phép làm việc. Những trường hợp này bao gồm: tham dự một cuộc họp, mua hàng hóa tại một triển lãm hàng hóa, hoặc thực hiện đi tham quan một doanh nghiệp. Những hoạt động này đòi hỏi phải có visa của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu các hoạt động trên vượt quá 15 ngày thì giấy phép lao động là cần thiết.

Về các ưu đãi đầu tư khác, tùy thuộc vào dự án công nghiệp, BOI có thể cung cấp ưu đãi đặc biệt cho các dự án dự kiến sẽ rất có lợi cho đất nước. BOI khuyến khích phát triển công nghiệp thông qua 2 nhóm ưu đãi đầu tư: Activity-based và Merit-based. Trong ưu đãi Activity-based, có 2 nhóm: (i) Nhóm A (phân loại vào các phân nhóm A1, A2, A3, A4): hoạt động kinh doanh có sử dụng công nghệ cao đủ điều kiện cho ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (không quá 8 năm), máy móc thiết bị và ưu đãi nguyên vật liệu nhập khẩu miễn thuế, và ưu đãi phi thuế khác; (ii) Nhóm B (phân loại vào các phân nhóm B1 và B2): Hoạt động kinh doanh có sử dụng công nghệ ít phức tạp đủ điều kiện cho máy móc thiết bị và nguyên vật liệu nhập khẩu ưu đãi miễn thuế và các ưu đãi phi thuế khác. Các phân nhóm được sắp xếp dựa trên tầm quan trọng của các hoạt động, với nhóm phía trên là quan trọng hơn. Tất cả các phân nhóm được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, 1 năm được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu thô hoặc thiết yếu được sử dụng trong sản xuất các sản phẩm xuất khẩu, và các ưu đãi phi thuế khác.

Các ưu đãi Merit-based nhằm mục đích thu hút và khuyến khích đầu tư và chỉ tiêu cho các hoạt động có lợi cho quốc gia hoặc ngành công nghiệp nói

chung. BOI ra những ưu đãi sau đây: Về nâng cao năng lực cạnh tranh, đối với dự án có vốn đầu tư hoặc chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển; đóng góp cho công nghệ và nguồn nhân lực phát triển quỹ; mua lại IP/ phí cấp phép cho công nghệ thương mại hóa phát triển cho việc đào tạo công nghệ tiên tiến ở Thái Lan; phát triển các nhà cung cấp địa phương có ít nhất 51% cổ phần Thái Lan trong đào tạo công nghệ tiên tiến và hỗ trợ kỹ thuật; sản phẩm và thiết kế bao bì. Về phân cấp, dành cho các dự án nằm trong 20 tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người thấp, sẽ nhận được các ưu đãi bổ sung. Về phát triển khu công nghiệp, dành cho các dự án nằm trong khu công nghiệp hoặc khu công nghiệp cải tiến. Các dự án này sẽ được cấp thêm một năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, tổng thời gian được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 8 năm. Các dự án với các hoạt động trong nhóm A và nhóm B có thể áp dụng cho ưu đãi Merit-based dựa theo các điều kiện theo quy định của BOI [30].

Các tiêu chí xúc tiến của BOI cho việc chấp thuận dự án: Có 3 tiêu chí chính là phát triển khả năng cạnh tranh trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; bảo vệ môi trường; và vốn đầu tư tối thiểu và tính khả thi của dự án. Đối với sự phát triển của năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ: Giá trị gia tăng phải có ít nhất 20% doanh thu bán hàng (trừ các sản phẩm điện tử, sản phẩm nông nghiệp, tất cả đều phải có giá trị gia tăng không ít hơn 10% doanh thu); Quy trình sản xuất hiện đại và máy móc thiết bị mới phải được sử dụng. Nếu máy móc thiết bị cũ được sử dụng, hiệu quả của nó phải được xác nhận bởi một tổ chức đáng tin cậy và được chính BOI chấp thuận; Một dự án với vốn đầu tư 10 triệu THB phải có chứng nhận như ISO 9000, ISO 14000, hoặc giấy chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế tương tự được cấp trong vòng 2 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động, nếu không thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được giảm 1 năm. Về bảo vệ môi trường, hệ thống phải được thiết lập cho các dự án có thể gây ra mối đe dọa tới môi trường. BOI sẽ cân nhắc vị trí của dự án và quy định các loại hình xử lý ô nhiễm cần thiết.

Ở Hàn Quốc, Luật Xúc tiến đầu tư ra đời nhằm mục đích đẩy đầu tư nước ngoài tại quốc gia này bằng cách cung cấp các ưu đãi và khuyến khích với cái nhìn cuối cùng đóng góp cho sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế quốc gia này. Việc đầu tư nước ngoài được thay đổi phải được thực hiện bằng báo cáo. Theo đó, bất kỳ người nước ngoài nào dự định thực hiện một khoản đầu tư trong các công ty của Hàn Quốc, đều có trách nhiệm làm văn bản báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính và Kinh tế - không được chậm trễ trao giấy chứng nhận hoàn thành báo cáo cho người nước ngoài. Các đối tượng có thể được đầu tư bởi một người nước ngoài gồm: tiền mặt, hàng hóa vốn, quyền sở hữu công nghiệp, bất động sản, cổ phiếu và các quyền sở hữu trí tuệ...

Tài sản nhà nước sở hữu hoặc tài sản công cộng có thể được cho thuê hoặc bán cho các công ty vốn đầu tư nước ngoài bởi hợp đồng, và cho thuê tài sản đó, thời hạn của hợp đồng thuê có thể lên đến 50 năm. Đối với các chi phí mà các chính quyền địa phương chịu trong các hoạt động mua chuộc vốn nước ngoài của họ, như cho sự hình thành các khu đầu tư nước ngoài, giảm hoặc miễn tiền thuê cho công ty đầu tư vốn nước ngoài và thanh toán các khoản trợ cấp, hỗ trợ tài chính được cung cấp từ ngân sách quốc gia. Trung tâm Dịch vụ Đầu tư Hàn Quốc được thành lập tại Phòng Thương mại và xúc tiến đầu tư Hàn Quốc. Cơ quan này cung cấp dịch vụ hỗ trợ toàn diện như tư vấn cho nhà đầu tư nước ngoài và các công ty có vốn đầu tư nước ngoài và đại diện các vấn đề liên quan trong bản kiến nghị dân sự.

Từ năm 1962, Hàn Quốc đã thành lập tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại (KOTRA) với hai chức năng chính là xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại. Đối với việc vận động xúc tiến đầu tư của Hàn Quốc thì phương châm là luôn luôn đảm bảo cho các nhà đầu tư nước ngoài có được lợi nhuận ở mức thỏa đáng, mở rộng phạm vi đầu tư với nhiều ưu đãi, thể hiện tại Luật xúc tiến đầu tư năm 1998 đã dành cho các nhà đầu tư nước ngoài quy chế đãi ngộ quốc gia, giảm thiểu thủ tục đầu tư, thay thế chế độ cấp phép bằng chế độ thông

báo và đăng ký đầu tư, thực hiện cơ chế một cửa giảm các ngành nghề hạn chế đầu tư nước ngoài. Để đảm bảo cho các doanh nghiệp hoạt động thuận lợi, Chính phủ ngày càng chủ động sử dụng các công cụ điều tiết vĩ mô, nhất là thuế suất và lãi suất nhằm thực hiện hiện đại hóa Chính phủ theo chế độ viên chức phương Tây đồng thời dành cho các khu công nghiệp các cơ chế ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư. Hàn Quốc cũng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện tốt dự báo trước nhu cầu sử dụng nguồn lao động chủ động mở rộng đào tạo lao động có tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc tuyên truyền, vận động xúc tiến đầu tư của Hàn Quốc có mục đích và định hướng rõ ràng bằng việc Hàn Quốc coi trọng thu hút nguồn vốn từ các nước công nghiệp phát triển để phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp chế tạo, từ đó tiếp nhận và nâng cao năng lực chuyển giao công nghệ mới. Đến năm 1980, Nhật giữ vị trí số 1 với 55% tổng số vốn đầu tư vào Hàn Quốc và 76% về số lượng doanh nghiệp, đứng thứ 2 là Mỹ với số vốn đầu tư chiếm 24.3%. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng biết lựa chọn lĩnh vực thu hút đầu tư xuất phát từ những thế mạnh và hạn chế những đặc thù của đất nước bằng việc Hàn Quốc tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp ít thu hút vào lĩnh vực khai thác tài nguyên, sơ chế sản phẩm, trong lĩnh vực dịch vụ thì chỉ cho phép nhà đầu tư tham gia vào một số hoạt động du lịch, tham gia liên doanh hoạt động ngân hàng thương mại [22]..

1.2.2. Nội dung pháp luật về xúc tiến đầu tư

Thứ nhất, yêu cầu đối với hoạt động xúc tiến đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành và địa phương; phù hợp với định hướng của Chính phủ về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thị trường trong nước và đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp trong nước ra nước ngoài trong từng thời kỳ. Hoạt động xúc tiến đầu tư cần phải có tác động thiết thực đến việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào các lĩnh vực hoặc địa bàn, khu vực ưu tiên phát triển để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Thứ hai, nguyên tắc đối với hoạt động xúc tiến đầu tư

Trong hoạt động xúc tiến đầu tư, các chủ thể thực hiện cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

(i) Các hoạt động xúc tiến đầu tư tại trong nước và nước ngoài phải được xây dựng, tập hợp thành chương trình xúc tiến đầu tư, sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(ii) Khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực.

(iii) Có tính khả thi về nội dung, phương thức, thời gian, địa điểm, kinh phí và tiến độ triển khai.

(iv) Chú trọng các hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (xúc tiến đầu tư tại chỗ) thông qua các hình thức hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy triển khai dự án hiệu quả.

(v) Khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa.

(vi) Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư [15].

Thứ ba, quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư

Cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư là Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ở các địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định hoặc thành lập bộ phận xúc tiến đầu tư trong cơ cấu tổ chức của mình và có trách nhiệm bố trí cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, biên chế, ngân sách và kinh phí hoạt động phù hợp cho bộ phận xúc tiến đầu tư.

Nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm:

- (i) Xây dựng và tổ chức thực hiện định hướng xúc tiến đầu tư trong từng thời kỳ và hàng năm;
- (ii) Hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư;
- (iii) Điều phối các hoạt động xúc tiến đầu tư;
- (iv) Theo dõi, tổng hợp đánh giá tình hình và hiệu quả của hoạt động xúc tiến đầu tư;
- (v) Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

Về hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư: Chương trình xúc tiến đầu tư là tập hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư hàng năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trong đó xác định rõ nội dung, địa điểm, thời gian, tiến độ, kinh phí và đầu mối thực hiện. Căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư với các nội dung chủ yếu như: Mục tiêu, yêu cầu đối với hoạt động xúc tiến đầu tư; định hướng về lĩnh vực và địa bàn xúc tiến đầu tư; định hướng về đối tác đầu tư; tiêu chí đánh giá, phê duyệt chương trình xúc tiến đầu tư; các nội dung khác căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chủ động xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư và mục tiêu, định hướng phát triển của ngành, địa phương để xây dựng hoặc đề xuất chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm, bao gồm các hoạt động đề xuất đưa vào chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoạt động xúc tiến đầu tư của Ban quản lý được tập hợp trong chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); các hoạt động xúc tiến đầu tư đề xuất đưa vào chương trình của các đoàn cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước...

Về quy trình xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, trước hết, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần tập hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư và dự thảo

chương trình xúc tiến đầu tư gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cho ý kiến bằng văn bản sau khi đã tổng hợp toàn bộ các chương trình xúc tiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt chương trình xúc tiến đầu tư sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trên cơ sở tổng hợp chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra văn bản thông báo với Bộ Ngoại giao về các hoạt động xúc tiến đầu tư tại nước ngoài để phối hợp thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào điều kiện thực tế, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể điều chỉnh chương trình xúc tiến đầu tư và ra quyết định điều chỉnh chương trình xúc tiến đầu tư sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đối với hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài phải đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước 30 ngày thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư đó.

Thứ tư, nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư

Theo pháp luật về xúc tiến đầu tư, hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư

Các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư được thực hiện theo các hình thức như: Thu thập thông tin, nghiên cứu, tổng hợp xây dựng các đề án, báo cáo; tổ chức các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước và nước ngoài; tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo trong nước và nước ngoài và các hình thức khác. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Bộ Ngoại giao và các tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu, đánh giá chung và cập nhật thông tin về tiềm năng, thị trường, xu hướng, nhu cầu đầu tư và đối tác đầu tư... để làm cơ sở cho việc hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá về tiềm năng, thị trường, xu hướng, nhu cầu đầu tư và đối tác đầu tư trong phạm vi quản lý của mình.

(ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư được thực hiện theo các hình thức sau: Thu thập, hệ thống hóa các số liệu; môi trường đầu tư; pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư; xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, môi trường, tiềm năng, cơ hội đầu tư, đối tác đầu tư và các hình thức khác. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư phải được cập nhật thường xuyên để bảo đảm phục vụ có hiệu quả cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu chung để phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trong phạm vi quản lý của mình. Ngân sách cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu được lấy từ nguồn ngân sách cấp hàng năm cho chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(iii) Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư theo từng thời kỳ và có trách nhiệm hướng dẫn nội dung, tiêu chí xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư để áp dụng thống nhất trong cả nước. Trên cơ sở hướng dẫn, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo từng thời kỳ trong phạm vi quản lý của mình, đồng thời, có trách nhiệm đăng tải công khai và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của mình các nội dung: (a) Danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư; (b) Tình hình thực hiện danh mục dự án kêu gọi đầu tư; (c) Các nội dung liên quan đến điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

(iv) Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

Các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư gồm các hình thức: Sách hướng dẫn; tờ rơi; danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư; các tài liệu nghiên cứu tổng hợp, nghiên cứu chuyên đề; các chuyên đề hoặc bài báo, tạp chí; các chương trình phát thanh, truyền hình, quảng cáo... để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài; quà tặng, đồ lưu niệm; các hình thức ấn phẩm và tài liệu khác. Các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư phải bảo đảm cập nhật thông tin về môi trường đầu tư; pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư. Các tài liệu này có thể được xây dựng để phục vụ chung cho hoạt động xúc tiến đầu tư hoặc để phục vụ riêng cho các hoạt động xúc tiến đầu tư cụ thể tùy thuộc vào yêu cầu của hoạt động xúc tiến đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng ấn phẩm, tài liệu chung để phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư quốc gia. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trong phạm vi quản lý của mình.

(v) Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư

Việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư trong nước và nước ngoài bao gồm: Tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo, hội chợ, diễn đàn, tọa đàm trong nước và nước ngoài; tổ chức hoặc tham gia các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư; tổ chức hoặc tham gia đoàn công tác để xúc tiến đầu tư theo từng chuyên đề hoặc đối tác cụ thể; thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài; Đặt hàng cơ quan truyền thông trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử; làm phim quảng bá môi trường đầu tư tại Việt Nam theo hợp đồng trọn gói và các hình thức tuyên truyền, quảng bá khác.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá mang tính liên ngành, liên vùng; xúc tiến đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham gia các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trong nước và quốc tế; hỗ trợ và tham gia các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trong nước và quốc tế do các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khi có yêu cầu [14].

Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình; tham gia các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trong nước và quốc tế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức khi có yêu cầu; thông báo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sau khi hoàn thành.

Đối với những hoạt động xúc tiến đầu tư do các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ở nước ngoài, trong trường hợp cần thiết tùy thuộc vào địa bàn, đối tác, quy mô của hoạt động xúc tiến đầu tư..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ về nội dung và tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài để giới thiệu về định hướng và chính sách chung về đầu tư của Việt Nam.

(vi) Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư

Nội dung đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư gồm: Bối cảnh kinh tế quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ; cập nhật pháp luật, cơ chế, chính sách, thủ tục đầu tư; các kết quả nghiên cứu, đánh giá về tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; các kỹ năng xúc tiến đầu tư; các nội dung khác theo yêu cầu của công tác xúc tiến đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư cho các cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư cho các cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.

(vii) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư

Trong phạm vi quản lý của mình, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư. Nội dung hỗ trợ bao gồm: Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ; pháp luật, cơ chế, chính sách; tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư; hướng dẫn thủ tục đầu tư; hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư; tiếp nhận, tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Trong trường hợp cần thiết, đối với các dự án đầu tư quy mô lớn, có nội dung phức tạp, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phối hợp thành lập tổ công tác để hỗ trợ trong quá trình: xúc tiến đầu tư (nghiên cứu, thành lập hồ sơ, triển khai các thủ tục), cấp giấy chứng nhận đầu tư, hỗ trợ triển khai dự án đầu tư.

(viii) Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư

Theo quy định của pháp luật về xúc tiến đầu tư, Nhà nước khuyến khích việc hợp tác trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong hoạt động xúc tiến đầu tư, bao gồm hợp tác và phối hợp giữa các hoạt động xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch; hợp tác giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý; hợp tác giữa các Bộ, Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý với các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư; hợp tác quốc tế về xúc tiến đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì đàm phán, tham gia và làm đầu mối triển khai thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế song phương và đa phương liên quan đến đầu tư và xúc tiến đầu tư; hỗ trợ các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hoạt động hợp tác về xúc tiến đầu tư. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ động thực hiện hợp tác về xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của hoạt động xúc tiến đầu tư.

Thứ năm, chế độ thông tin, báo cáo về xúc tiến đầu tư

Về chế độ thông tin, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước; hỗ trợ và cung cấp các thông tin có liên quan cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý trong việc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý có trách nhiệm tổng hợp, thông tin về tình hình xúc tiến đầu tư trong phạm vi quản lý của mình và thông báo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung định kỳ theo quý, 6 tháng và hàng năm.

Về chế độ báo cáo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước. Đối với báo cáo 6 tháng, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư và sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Đối với báo cáo năm, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý tổng hợp và bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý và bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo đánh giá về tình hình xúc tiến đầu tư hàng năm. Chế độ báo cáo đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia thực hiện theo quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

Về ứng dụng thông tin điện tử phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư nằm trong trang thông tin điện tử của mình. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về xúc tiến đầu tư có thể thực hiện bằng hình thức văn bản và hình thức thông tin điện tử. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng và vận hành cổng thông tin điện tử về đầu tư nước ngoài, trong đó có hệ thống tiếp nhận thông tin, báo cáo điện tử về xúc tiến đầu tư.

Kết luận Chương 1

Sau khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về xúc tiến đầu tư và pháp luật về xúc tiến đầu tư cho phép rút ra một số kết luận như sau:

Xúc tiến đầu tư với các hoạt động xây dựng hình ảnh đóng vai trò như là chiếc cầu nối giúp giải quyết sự bất cân xứng thông tin, các hoạt động này sẽ giúp các nhà tư vấn/môi giới hay chính các nhà đầu tư có được những thông tin tổng thể, chính xác về môi trường đầu tư, thông qua đó, lợi thế cạnh tranh của nước sở tại về thu hút đầu tư nước ngoài cũng được tăng cường và nâng cao.

Pháp luật về xúc tiến đầu tư được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm quy định nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư; nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư; việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư nhằm khuyến khích hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tính hiệu quả của pháp luật về xúc tiến đầu tư có đặc điểm cơ bản là phụ thuộc vào chính sách, pháp luật về đầu tư của các quốc gia. Kinh nghiệm pháp luật một số quốc gia cho thấy, môi trường đầu tư và chính sách đầu tư ảnh hưởng to lớn đến hoạt động xúc tiến đầu tư, trong đó, các vấn đề pháp lý như thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật... là những ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng xúc tiến đầu tư.

Chương 2

THỰC TRẠNG VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Thực trạng pháp luật về xúc tiến đầu tư ở Việt Nam

2.1.1. Thực trạng các quy định pháp luật về đầu tư và thu hút đầu tư

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Đầu tư và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/07/2015. Luật Đầu tư 2014 gồm 7 chương, 76 điều quy định về hoạt động của nhà đầu tư kinh doanh tại Việt Nam cũng như quy định về việc đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Luật Đầu tư năm 2014 đã thể hiện nhiều điểm mới nổi bật so với quy định của Luật Đầu tư 2005 và là cánh cửa mở rộng cơ hội cho các nhà đầu tư tiến hành đầu tư vào Việt Nam.

Về chính sách đầu tư kinh doanh, Luật Đầu tư năm 2014 quy định nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà Luật này không cấm. Nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; được tiếp cận, sử dụng các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ, sử dụng đất đai và tài nguyên khác theo quy định của pháp luật.

Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư; đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư kinh doanh mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Nhà nước Việt Nam bảo đảm việc nhà đầu tư nước ngoài được chuyển tài sản của ra nước ngoài sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật. Các tài sản nhà đầu tư nước ngoài

được chuyển ra nước ngoài bao gồm vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư; thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh; tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư. Nhà nước Việt nam cũng bảo đảm tính ổn định và có lợi cho việc đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật. Cụ thể, trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư cao hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của văn bản pháp luật mới cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án. Trường hợp nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư thì được xem xét giải quyết bằng một hoặc một số biện pháp sau đây: (a) Khấu trừ thiệt hại thực tế của nhà đầu tư vào thu nhập chịu thuế; (b) Điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư; (c) Hỗ trợ nhà đầu tư khắc phục thiệt hại.

Thay đổi quan trọng nhất của Luật Đầu tư năm 2014 là việc tạo lập cơ sở pháp lý minh bạch để bảo đảm thực hiện nguyên tắc Hiến định về quyền tự do đầu tư kinh doanh của công dân trong các ngành, nghề mà Luật không cấm thông qua các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư và đầu tư kinh doanh có điều kiện. Việc tập hợp, rà soát và quy định cụ thể danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư năm 2014 theo phương pháp loại trừ (chọn bỏ) đã góp phần đổi mới căn bản nguyên tắc áp dụng pháp luật, từ việc nhà đầu tư chỉ được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép sang nguyên tắc được tự do đầu tư kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà Luật này không cấm hoặc quy định phải có điều kiện. Cụ thể, trên cơ sở rà soát, loại bỏ các ngành, nghề cấm đầu tư, kinh doanh trùng lặp theo các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và Luật Thương mại, Luật quy định 06 ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh bao gồm: (i) Kinh doanh các chất ma túy theo quy

định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Luật; (ii) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật độc hại quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Luật; (iii) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Luật; (iv) Kinh doanh mai dâm; (v) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; (vi) Các hoạt động liên quan đến sinh sản vô tính trên người.

Về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Luật Đầu tư năm 2014 đã bãi bỏ các ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh không hợp lý, không rõ ràng, tạo ra gánh nặng chi phí tuân thủ đối với nhà đầu tư; sửa đổi một số điều kiện đầu tư kinh doanh theo hướng giảm thiểu hình thức cấp phép, xác nhận hoặc chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chuyển sang áp dụng chủ yếu hình thức ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện để nhà đầu tư tự đăng ký thực hiện và cơ quan quản lý tiến hành hậu kiểm; cập nhật, chuẩn xác tên gọi và hệ thống một số ngành, nghề nhằm phản ánh chính xác, minh bạch các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, tránh trùng lặp và tạo thuận lợi cho việc thực hiện các quy định của pháp luật về vấn đề này.

Luật cũng sửa đổi thẩm quyền quy định về ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh. Theo đó, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chỉ được quy định tại Luật Đầu tư còn điều kiện cụ thể đối với từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành (1/7/2015), ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác sẽ hết hiệu lực thi hành.

Luật Đầu tư năm 2014 tiếp tục duy trì cơ chế và nguyên tắc bảo đảm đầu tư đã được quy định tại Luật Đầu tư 2005, đồng thời hoàn thiện các cơ chế và

nguyên tắc này với các sửa đổi, bổ sung cụ thể như: Cập nhật các quy định về việc Nhà nước bảo đảm quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư và cam kết bồi thường thỏa đáng, công bằng trong trường hợp trưng thu, quốc hữu hóa tài sản của nhà đầu tư phù hợp với quy định của Hiến pháp; hoàn thiện quy định về việc Nhà nước bảo đảm đối xử không phân biệt giữa các nhà đầu tư phù hợp với cam kết của Việt Nam theo các điều ước quốc tế; hoàn thiện quy định về việc áp dụng nguyên tắc không hồi tố trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật thay đổi làm ảnh hưởng bất lợi đến ưu đãi đầu tư đã áp dụng đối với nhà đầu tư. Theo đó, Luật đã bỏ quy định về việc chỉ áp dụng nguyên tắc không hồi tố đối với ưu đãi đầu tư đã được quy định tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để bảo đảm bình đẳng trong việc áp dụng nguyên tắc không hồi tố giữa nhà đầu tư được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và nhà đầu tư không thuộc diện phải thực hiện thủ tục này.

Luật Đầu tư năm 2014 cũng đã cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, đơn giản và bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư với những nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng gồm: Bãi bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước; đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục và rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; bổ sung quy định về bảo đảm nghĩa vụ thực hiện dự án của nhà đầu tư dưới hình thức ký quỹ; bổ sung quy định về giám định chất lượng máy móc, thiết bị, công nghệ nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư; hoàn thiện các quy định về chuyển nhượng dự án đầu tư, giãn tiến độ đầu tư, tạm ngừng hoạt động đầu tư, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư... theo hướng xác định cụ thể điều kiện, thủ tục thực hiện các hoạt động này, cũng như trách nhiệm của nhà đầu tư và thẩm quyền của cơ quan quản lý ở địa phương. Cải cách quy trình thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài theo hướng bãi bỏ yêu cầu cấp giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tách bạch hoạt

động đầu tư theo dự án với hoạt động đăng ký kinh doanh. Theo hướng này, sau khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh như nhà đầu tư trong nước. Bên cạnh đó, Luật cũng đã làm rõ địa vị pháp lý của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để làm cơ sở áp dụng thống nhất điều kiện và thủ tục đầu tư đối với các doanh nghiệp này theo hướng chỉ các doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 51% hoặc doanh nghiệp có các doanh nghiệp nêu trên nắm giữ trên 51% mới phải áp dụng điều kiện và thủ tục như nhà đầu tư nước ngoài. Những trường hợp còn lại, doanh nghiệp áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư như nhà đầu tư trong nước.

Đặc biệt, Luật Đầu tư năm 2014 đã hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút đầu tư, bổ sung và hoàn thiện các quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư cũng như các nguyên tắc, điều kiện áp dụng ưu đãi nhằm bảo đảm thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng, tập trung vào các ngành sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại, dự án sản xuất có quy mô lớn, dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng nhiều lao động, dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, dự án thực hiện trong các lĩnh vực xã hội hóa đầu tư (y tế, giáo dục, dạy nghề, văn hóa...). Để khắc phục việc áp dụng ưu đãi đầu tư tràn lan đối với tất cả các dự án thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư, Luật bổ sung quy định không áp dụng ưu đãi đầu tư theo tiêu chí địa bàn đối với các dự án khai thác khoáng sản; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư quan trọng, có quy mô lớn và tác động liên ngành, liên vùng, Luật Đầu tư năm 2014 đã bổ sung quy định về thẩm quyền, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng: (i) Quy định dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở kế thừa, luật hóa

và hoàn thiện quy định tương ứng của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội và quy định của Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; (ii) Bổ sung quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Chuẩn hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với một số dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó, cơ quan quản lý đầu tư thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với việc xem xét thẩm tra nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Việc áp dụng đồng thời các thủ tục nêu trên sẽ giúp cắt giảm đáng kể thời gian thực hiện thủ tục hành chính do nhà đầu tư không phải tiến hành lần lượt từng thủ tục liên quan đến việc sử dụng đất như quy định hiện hành. Ngoài ra, Luật Đầu tư năm 2014 cũng đã chuyển thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sang Sở kế hoạch và đầu tư; bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trong quản lý hoạt động đầu tư, đồng thời hoàn thiện các quy định về chế độ báo cáo đầu tư, giám sát và đánh giá hoạt động đầu tư.

Bên cạnh những ưu điểm, Luật Đầu tư năm 2014 vẫn còn một số điểm hạn chế như chưa giải quyết triệt để bài toán về tư cách nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài hiện nay được xác định theo tiêu chí chính là quốc tịch, ai không có quốc tịch Việt Nam thì đó là nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, có quan điểm khác lại xác định nhà đầu tư nước ngoài theo vốn, tức là chỉ cần doanh nghiệp tại Việt Nam có vốn đầu tư từ nước ngoài thì doanh nghiệp đó cũng bị xem là nhà đầu tư nước ngoài. Đáng lẽ nên chọn phương án thứ nhất, tức là xác định nhà đầu tư nước ngoài theo quốc tịch thì Luật Đầu tư 2014 lại

chọn phương án trung dung. Luật chia nhà đầu tư nước ngoài thành 3 nhóm: (i) nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài; (ii) doanh nghiệp Việt Nam có 51% vốn nước ngoài; và (iii) doanh nghiệp Việt Nam có dưới 51% vốn nước ngoài. Nhóm (i) và (ii) bị áp dụng các điều kiện như nhà đầu tư nước ngoài (từ ngành nghề đầu tư đến thủ tục đầu tư...) còn nhóm (iii) được áp dụng các thủ tục và điều kiện như doanh nghiệp trong nước. Sẽ khó chấp nhận sự phân biệt ấy khi một doanh nghiệp có 51% vốn nước ngoài và một doanh nghiệp có 50.9% vốn nước ngoài lại áp dụng hai thủ tục đầu tư khác nhau.

Bất hợp lý khác là ngay cả khi doanh nghiệp có 51% vốn nước ngoài (tạm gọi là F1) thành lập một doanh nghiệp mới (tạm gọi là F2) tại Việt Nam, doanh nghiệp F2 đó cũng vẫn phải áp dụng các điều kiện và thủ tục như nhà đầu tư nước ngoài. Điều này là phân biệt đối xử giữa chính doanh nghiệp Việt Nam, vì về mặt quốc tịch, cả doanh nghiệp F1 và F2 đều là pháp nhân mang quốc tịch Việt Nam, không lý do gì để coi doanh nghiệp F2 cũng như nhà đầu tư nước ngoài. Thêm nữa, nếu xét về tỷ lệ vốn, vốn nước ngoài trong doanh nghiệp F2 có thể rất thấp. Ví dụ, nếu vốn nước ngoài trong doanh nghiệp F1 là 52% và doanh nghiệp F1 nắm 55% vốn điều lệ của doanh nghiệp F2, như vậy, tỷ lệ vốn nước ngoài trong doanh nghiệp F2 chỉ là 28.6% (52% & 55%). Chỉ với 28.6% vốn nước ngoài mà doanh nghiệp F2 vẫn phải tuân theo các điều kiện đầu tư và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài là khó thuyết phục.

2.1.2. Thực trạng các quy định pháp luật về xúc tiến đầu tư

Một là: Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014, Nhà nước có trách nhiệm tổ chức và thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư [4, Điều 67]. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư được quy định như sau:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ quản lý thống nhất hoạt động xúc tiến đầu tư, có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh xây dựng định hướng, chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư; hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổng hợp, xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; hướng dẫn thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động xúc tiến đầu tư; thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư; phối hợp với Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, quản lý và cử đại diện Việt Nam tại bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác xúc tiến đầu tư; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và định hướng hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Bộ Tài chính có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch kinh phí xúc tiến đầu tư của Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, Chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí ngân sách nhà nước cho hoạt động xúc tiến đầu tư của bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc bố trí và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư, kết hợp hoạt động xúc tiến đầu tư trong công tác đối ngoại; hỗ trợ và tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư tại nước ngoài đã được duyệt theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trường hợp phát sinh hoạt động xúc tiến đầu tư mới, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thông báo và thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện; chủ trì và hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quản lý hoạt động của bộ phận xúc

tiến đầu tư ở nước ngoài; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập và biên chế của bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quyết định bổ nhiệm chức vụ ngoại giao và cử cán bộ công tác tại bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; bố trí cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc, kinh phí hoạt động phù hợp cho bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

- Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm và dài hạn; đề xuất hoạt động đưa vào Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư theo thẩm quyền; phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động xúc tiến đầu tư [7, Điều 50].

***Hai là:** Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư*

Việc quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư được thực hiện theo các nguyên tắc:

(i) Hoạt động xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được xây dựng, tập hợp thành chương trình xúc tiến đầu tư, sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(ii) Khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế trọng điểm theo định hướng thu hút đầu tư từng giai đoạn; các hoạt động xúc tiến đầu tư khác phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá cụ thể về nhu cầu đầu tư, phân tích số liệu, thông tin cập nhật và có giá trị thực tiễn;

(iii) Chú trọng hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các dự án đầu tư đã thực hiện thông qua việc hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy triển khai dự án hiệu quả;

(iv) Khuyến khích kết hợp hoạt động xúc tiến đầu tư với hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa;

(v) Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội để thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư [7, Điều 49].

Ba là: *Nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư*

Nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm: (i) Xây dựng và tổ chức thực hiện định hướng xúc tiến đầu tư trong từng thời kỳ và hàng năm; (ii) Hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư; (iii) Điều phối các hoạt động xúc tiến đầu tư; (iv) Theo dõi, tổng hợp đánh giá tình hình và hiệu quả của hoạt động xúc tiến đầu tư; (v) Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

Ở cấp trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư. Ở cấp địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư ở cấp địa phương. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định hoặc thành lập bộ phận xúc tiến đầu tư trong cơ cấu tổ chức của mình. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư không thuộc chương trình xúc tiến đầu tư do các tổ chức, doanh nghiệp hoặc nhà đầu tư thực hiện bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước nếu hoạt động xúc tiến đầu tư đó đáp ứng các nguyên tắc, yêu cầu quy định.

Bốn là: *Nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư*

Nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm: (i) Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; Xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách thu hút vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài; tạo điều kiện để huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; (ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; (iii) Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư; Xây dựng danh mục dự án quốc gia thu hút vốn đầu tư; danh mục dự án thu hút vốn đầu tư của ngành và địa phương phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; (iv) Xây

dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; (v) Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư; Thực hiện chương trình tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu, cung cấp thông tin về môi trường đầu tư, tiềm năng và cơ hội đầu tư; Tổ chức các cơ sở xúc tiến đầu tư ở trong nước và nước ngoài để vận động, hỗ trợ, hướng dẫn các nhà đầu tư tìm hiểu chính sách, quy định pháp luật về đầu tư và lựa chọn lĩnh vực, địa điểm thực hiện dự án đầu tư; (vi) Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư; (vii) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư; (viii) Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư [14, Điều 3].

Nhà nước khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực. Khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa; huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Về hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư, trong phạm vi quản lý của mình, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư. Nội dung hỗ trợ bao gồm: (i) Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ; pháp luật, cơ chế, chính sách; tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư; ii) hướng dẫn thủ tục đầu tư; (iii) Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư; (iv) Tiếp nhận,

tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Về kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư: Kinh phí thực hiện các hoạt động thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm. Kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước chỉ bố trí cho các hoạt động xúc tiến thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư đã được phê duyệt [7, Điều 51].

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước; hỗ trợ và cung cấp các thông tin có liên quan cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý trong việc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư. Định kỳ 6 tháng và cả năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước.

2.1.3. Nhận xét về thực trạng pháp luật xúc tiến đầu tư ở Việt Nam

Trong những năm qua công tác xúc tiến đầu tư đã tác động quan trọng vào việc thu hút và sử dụng hiệu quả vốn FDI, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ chỗ chỉ được coi là công tác xúc tiến dự án trước cấp phép, trải qua nhiều giai đoạn phát triển của hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động xúc tiến đầu tư dần được mở rộng và bao quát cả công tác thúc đẩy triển khai và mở rộng dự án sau cấp phép [20].

Nhằm tạo thuận lợi cho công tác xúc tiến đầu tư, ngoài việc đưa hoạt động này vào phạm vi điều chỉnh của hệ thống luật pháp về đầu tư, Chính phủ còn ban hành nhiều văn bản khác có liên quan về phương hướng xúc tiến đầu tư, gọi vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh việc sửa đổi và hướng dẫn thi hành kịp thời Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014, Thủ tướng Chính phủ cũng

đã ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

Hệ thống tổ chức thực hiện công tác xúc tiến đầu tư từ trung ương đến địa phương cũng dần được hoàn thiện. Cho đến nay, hầu hết các địa phương đã thành lập các trung tâm chuyên trách về xúc tiến đầu tư. Đặc biệt, Việt Nam đã thiết lập được hệ thống chân rết về xúc tiến đầu tư năng động ở nước ngoài, đó là các cơ quan đại diện ngoại giao, kinh tế, thương mại của Việt Nam ở nước ngoài. Sắp tới, các bộ phận chuyên trách về xúc tiến đầu tư tại một số địa bàn trọng điểm sẽ thành lập.

Cùng với việc mở rộng quy mô, công tác xúc tiến đầu tư ngày càng được triển khai chuyên nghiệp, chủ động hơn ở cả cấp địa phương và quốc gia như liên tiếp tổ chức các đoàn công tác, các hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư tại nước ngoài, trong đó hướng tới một số đối tác trọng điểm như Hoa Kỳ, Nhật Bản, châu Âu, Hàn Quốc, các nước ASEAN; mở rộng các chương trình hợp tác song phương cũng như hoàn thiện việc ký kết hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với nhiều nước. Đến nay, Việt Nam đã ký kết 51 hiệp định song phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, trên 40 hiệp định tránh đánh thuế trùng và tham gia vào nhiều công ước, hiệp định đầu tư khu vực khác. Nhờ triển khai hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, hầu hết các Bộ, ngành và địa phương đã xây dựng và ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư cụ thể với chất lượng cao. Ở cấp quốc gia, Chính phủ đã hơn chục lần công bố danh mục dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư tiếp cận cơ hội đầu tư tại Việt Nam.

Để tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế, Bộ Kế hoạch Đầu tư tích cực triển khai một số giải pháp, trong đó có việc nghiên cứu xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư, xây dựng cơ chế phối hợp giữa công tác xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại và du lịch, giữa hoạt động xúc

tiến đầu tư với các hoạt động ngoại giao làm kinh tế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư ở cả trong nước và ngoài nước.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật xúc tiến đầu tư tại Tỉnh Quảng Ninh

2.2.1. Một số thành tựu trong hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tăng cường hoạt động thu hút đầu tư như: Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư, đánh giá tiềm năng, xu hướng đầu tư, xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, chủ động tìm kiếm và mời gọi các nhà đầu tư... Tính đến hết tháng 9/2015, tỉnh đã cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư cho 97 dự án với tổng vốn đạt 58.124 tỷ đồng, tăng 35,8% cùng kỳ. Trong đó: cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư cho 68 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư 44.510 tỷ đồng, tăng 74% cùng kỳ, 29 dự án nước ngoài với tổng vốn 648,3 triệu USD, bằng 79% cùng kỳ. Đến hết năm 2015, tỉnh Quảng Ninh đã cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư cho 97 dự án với tổng vốn đạt 58,124 tỷ đồng, tăng 35.8% cùng kỳ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn ước đạt 51,341 tỷ đồng, tăng 12.5% cùng kỳ, trong đó, vốn nhà nước ước đạt 18,936 tỷ đồng, chiếm 36.9%, tăng 9.7% cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước đạt 17,248 tỷ đồng, chiếm 33.6%, tăng 19.7% cùng kỳ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ước đạt 15,156 tỷ đồng, chiếm 29.5%, tăng 8.6% cùng kỳ. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 737 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký đạt 7,937 tỷ đồng, tăng 41% về số doanh nghiệp và 162% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Nhiều dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) với tổng vốn đầu tư lớn đã được cấp phép và nhanh chóng triển khai như các dự án: Cảng hàng không Quảng Ninh (6.759 tỷ đồng), Đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn và Cải tạo nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long – Mông Dương (10.062 tỷ đồng), Trụ sở Liên cơ quan số 3, số 4 (809,5 tỷ đồng), Nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ thuộc Trung tâm Thể thao vùng Đông Bắc (1.150 tỷ đồng)... Bên cạnh đó còn

nhiều dự án quy mô lớn khác như khu đô thị và dịch vụ cao cấp Bến Đoan (trong đó có Bệnh viện Vinmec), Khu chung cư nhà ở và dịch vụ hỗn hợp phường Bạch Đằng, TP Hạ Long. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn ước đạt 51.341 tỷ đồng, tăng 12,5% cùng kỳ, trong đó: vốn nhà nước ước đạt 18.936 tỷ đồng, tăng 9,7% cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước đạt 17.248 tỷ đồng, tăng 19,7% cùng kỳ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ước đạt 15.156 tỷ đồng, tăng 8,6% cùng kỳ [17].

Bám sát Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư do Thủ tướng Chính phủ ban hành, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai đồng bộ các giải pháp, từ việc xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm; xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, đánh giá tiềm năng, xu hướng đầu tư đến việc tổ chức xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài. Có thể khẳng định, thời gian qua, hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh đã huy động được toàn hệ thống chính trị tham gia. Các địa phương trong tỉnh đã tích cực đổi mới phương pháp, chủ động tìm kiếm nhà đầu tư bằng nhiều hình thức. Cụ thể như huyện Bình Liêu tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch, nâng cao năng lực cạnh tranh; TP Móng Cái tổ chức Hội nghị công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái; Hội nghị xúc tiến đầu tư phía Nam với sự tham gia của các địa phương Uông Bí, Ba Chẽ và Cô Tô...

Hình 2.1. Các Khu kinh tế và Khu Công nghiệp ở Quảng Ninh



(Nguồn: *investinquangninh.vn*)

Cùng với việc tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư xuống tận các địa phương, tỉnh Quảng Ninh còn thành lập Japan Desk (Tổ công tác Nhật Bản) đặt tại Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư. Đây là bộ phận chuyên trách hỗ trợ doanh nghiệp Nhật Bản, là cầu nối giữa các công ty Nhật Bản và tổ chức Nhật Bản với tỉnh Quảng Ninh. Thông qua Japan Desk, tỉnh Quảng Ninh đã ký Chương trình hợp tác với Viện nghiên cứu kinh tế Việt Nam của Nhật Bản (VERI) để thúc đẩy quảng bá, giới thiệu đầu tư Nhật Bản vào tỉnh.

Hình 2.2. Hạ tầng Nhà máy sản xuất sợi của Tập đoàn Texhong tại Khu công nghiệp Hải Hà



(Nguồn: investinquangninh.vn)

Cơ quan xúc tiến đầu tư của tỉnh cũng đã chủ động tìm hiểu và tiếp cận các nhà đầu tư bằng nhiều hình thức khác nhau. Giai đoạn 1 gửi thư điện tử và thư mời qua đường bưu điện tới hàng trăm doanh nghiệp được lựa chọn, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh và cơ hội đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh. Giai đoạn 2 đã tiếp cận và làm việc với các tổ chức quốc tế có vai trò hỗ trợ xúc tiến đầu tư như: Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản (JBAV), Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc (KCCI), Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), Phòng Thương mại và Công nghiệp Đức ... và một số công ty tư vấn, ngân hàng nước ngoài.

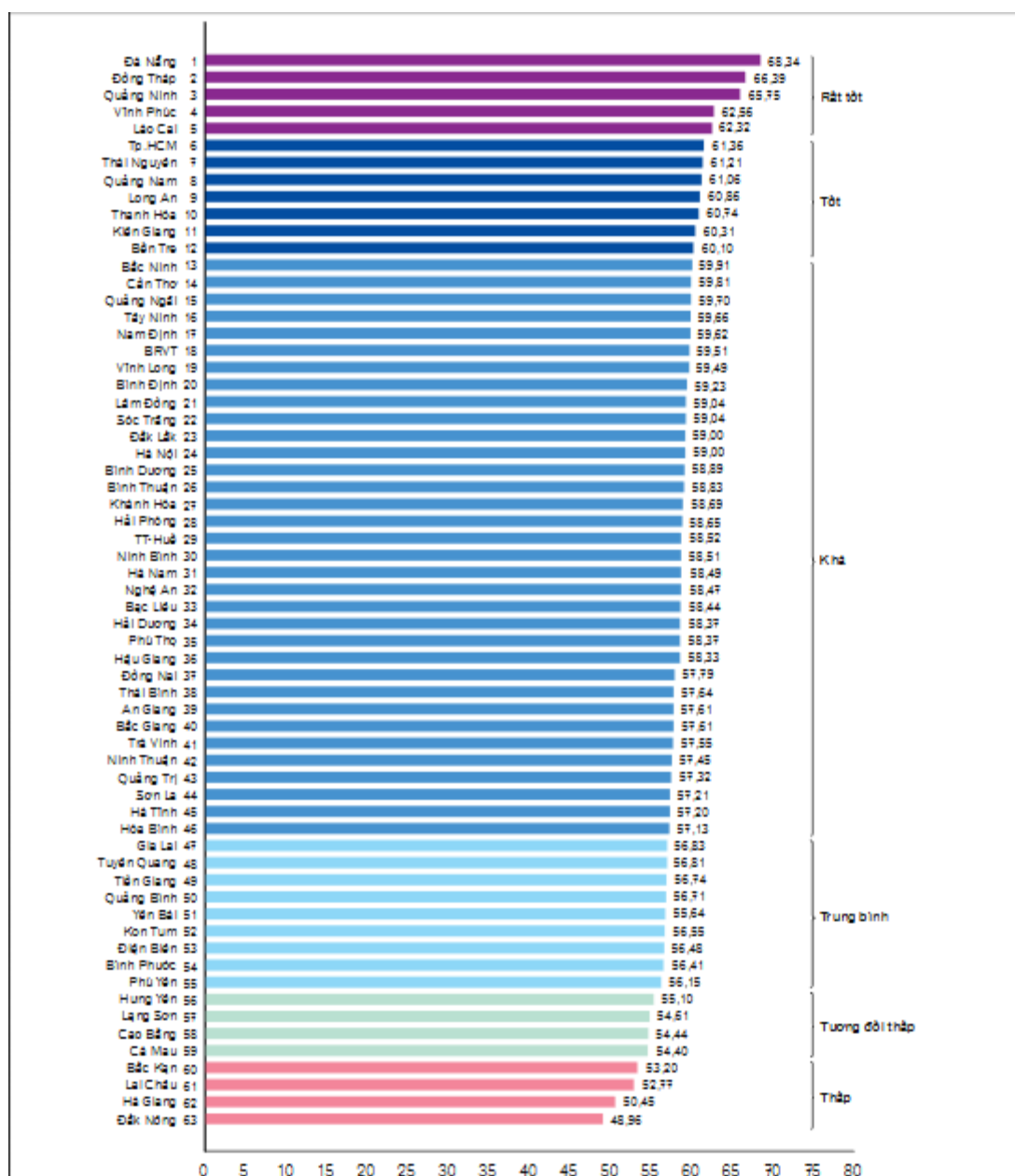
Hoạt động xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh được triển khai qua nhiều kênh khác nhau, trong đó tỉnh đã triển khai ký hợp tác với 2 báo VnEconomy và Bizlive vào cuộc để hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá về môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Bên cạnh đó, đã có sự tham gia của hãng truyền thông quốc tế (JiJi Press) của Nhật Bản với hàng loạt các tin

bài trên trang báo Nhật Bản về hoạt động của lãnh đạo tỉnh với nỗ lực xúc tiến đầu tư, tăng cường quan hệ hợp tác với Nhật Bản.

Để chủ động tìm hiểu và tiếp cận các nhà đầu tư, tỉnh Quảng Ninh gửi thư điện tử và thư mời qua đường bưu điện tới hơn 300 doanh nghiệp nước ngoài được lựa chọn, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh và cơ hội đầu tư vào Quảng Ninh. Bằng hình thức này, tỉnh Quảng Ninh đã tiếp cận và làm việc với các tổ chức quốc tế có vai trò hỗ trợ xúc tiến đầu tư, như: Hội doanh nghiệp Nhật Bản (JBAV), Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc (KCCI), Trung tâm Xúc tiến thương mại Hàn Quốc (KOTRA), Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), Phòng Thương mại và Công nghiệp Đức (GIC/AHK)... và một số công ty tư vấn và ngân hàng nước ngoài.

Với những nỗ lực rất lớn của Quảng Ninh trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ nhà đầu tư đã đóng vai trò quan trọng tạo tiền đề để đón nhận dòng chảy vốn FDI vào tỉnh trong thời gian sắp tới khi mà cơ sở hạ tầng kỹ thuật (sân bay, đường cao tốc, cảng biển...) và hạ tầng xã hội (bệnh viện, trường học...) được hoàn thiện.

Hình 2.3. Danh sách Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2015



(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Tỉnh Quảng Ninh đứng thứ 3 trong bảng xếp hạng PCI 2015, với 65.75 điểm. Đây là năm thứ 3 liên tiếp địa phương này góp mặt trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu PCI cả nước, cũng là năm mà Quảng Ninh có được thứ hạng và điểm số cao nhất trong 11 năm điều tra PCI. Quảng Ninh trong 5 năm

qua đã có nhiều đột phá nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, như thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, liên kết đến cấp xã, gắn với xây dựng chính quyền điện tử. Quảng Ninh là địa phương ban hành và thực hiện Đề án 25, một sáng kiến chính trị hành chính có tính đột phá nhằm tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch trong đánh giá, lựa chọn cán bộ... Quảng Ninh cũng là địa phương đi đầu trong hợp tác đầu tư công – tư, thúc đẩy sự đầu tư của tư nhân trong phát triển hạ tầng, xây dựng và vận hành trụ sở chính quyền (đầu tư tư – sử dụng công)... Tư duy mới và các chương trình hành động thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư nhân đã giúp Quảng Ninh cải thiện điểm số Cạnh tranh bình đẳng rất nhanh từ 3.7 điểm (2014) lên 4.7 điểm (2015). Xuất phát từ những quan ngại của nhiều doanh nghiệp (80% năm 2014) trước tình trạng tuy “có sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở ngành”, năm 2015, Quảng Ninh đã tham khảo và ứng dụng mô hình chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện của Lào Cai (DCI), thực hiện thí điểm đánh giá và sáng tạo, mở rộng ra tới cấp sở, ngành (DDCI) để thúc đẩy các đơn vị này nâng cao hiệu quả công tác, hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn.

2.2.2. Công tác quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư tại Quảng Ninh

Trước khi thành lập IPA, Quảng Ninh thì xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN), Khu Kinh tế (KKT) do Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì, còn lại là do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ là cơ quan tổng hợp công tác xúc tiến đầu tư (XTĐT) và theo dõi hoạt động XTĐT trên toàn tỉnh. Sau khi thành lập IPA đến nay, XTĐT vào các khu do Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì phối hợp với IPA thực hiện; ngoài khu thì IPA chủ trì. IPA là cơ quan theo dõi, quản lý về XTĐT toàn tỉnh. Hàng năm, tỉnh Quảng Ninh sẽ phê duyệt chương trình XTĐT trên địa bàn làm căn cứ cho các cơ quan liên quan thực hiện.

Những năm qua, công tác quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều biến chuyển tích cực và đóng góp nhiều vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cụ thể, đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 11 KCN được Thủ tướng phê duyệt quy hoạch phát triển đến năm 2020 với tổng diện tích 11.736,71 ha (bao gồm: KCN Cái Lân: 305,3 ha; KCN Việt Hưng: 301 ha; KCN Hải Yên: 182,4 ha; KCN Đông Mai: 160 ha; KCN Phương Nam: 709,01 ha; KCN – cảng biển Hải Hà: 4,988 ha; KCN – Dịch vụ Đầm Nhà Mạc: 3,730 ha; KCN Hoàn Kiếm: 681 ha; KCN Đông Triều: 150 ha; KCN Tiên Yên: 150 ha; KCN phụ trợ ngành than: 400 ha). Hiện tại, 05 KCN đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng và đã cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất để thực hiện dự án đầu tư [13].

- Về công tác xúc tiến và thu hút đầu tư, trong 6 tháng đầu năm 2016, Quảng Ninh đã tiếp xúc, chuẩn bị tài liệu phục vụ buổi làm việc với 10 đoàn nhà đầu tư trong và ngoài nước; cùng lãnh đạo tỉnh tham dự Hội nghị xúc tiến đầu tư tại Hồng Kông; hoàn thiện nội dung Bộ tài liệu sách và video xúc tiến đầu tư giới thiệu về KCN, KKT bằng 02 ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh). Tổng vốn thu hút đầu tư đạt 4.695,632 tỷ đồng (gồm 2 dự án FDI mới và 2 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 42 triệu USD, tương đương 920,262 tỷ đồng và 1.048,58 tỷ đồng). Cụ thể, Dự án Nhà máy may mặc tại KCN Texhong Hải Hà – vốn đầu tư 12 triệu USD và Dự án Đầu tư nhà máy nhuộm tại KCN Texhong Hải Hà – vốn đầu tư 30 triệu USD; Dự án Bến cảng đa năng giai đoạn I tại đảo Hòn Miêu – vốn đầu tư 1.033,58 tỷ đồng; Nhà máy sản xuất sơn Lions – vốn đầu tư 15 tỷ đồng; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 6 dự án, trong đó điều chỉnh tăng vốn cho 5 dự án (2 dự án FDI và 3 dự án trong nước) với tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt 2,774 triệu USD và 2.666,053 tỷ đồng). Dự kiến trong tháng 6 thu hút thêm khoảng 1.443,95 tỷ đồng (gồm thu hút mới 2 dự án FDI và 1 dự án trong nước: Dự án Nhà máy sản xuất khăn mặt, khăn tắm cao cấp và các sản phẩm liên quan tại KCN Texhong – Hải Hà của Công ty TNHH

Nam Thông Đại Đông (Trung Quốc) và Công ty cổ phần A-Z (Nhật Bản) với tổng vốn đầu tư 50 triệu USD; Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao của Nhà đầu tư Mega Alliance International TLD (Đài Loan) tại KCN Đông Mai với tổng vốn đầu tư 15 triệu USD (tương đương 330 tỷ đồng); Dự án Xây dựng văn phòng làm việc, trung tâm trưng bày sản phẩm và dịch vụ hàng hóa tổng hợp tại TP. Móng Cái của Công ty TNHH MTV Nam Linh với tổng vốn đầu tư 21 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm (tính đến 30.6.2016), dự kiến tổng vốn đầu tư thu hút mới đạt 6.139,582 tỷ đồng (gồm: 109,774 triệu USD và 3.735,634 tỷ đồng), bằng 40,93% kế hoạch năm 2016 (trong đó, tổng vốn thu hút đầu tư dự kiến năm 2016 đạt 15.000 tỷ đồng) và bằng 78,69% tổng vốn thu hút đầu tư cùng kỳ năm trước (tổng vốn thu hút đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2016 đạt 7.802,525 tỷ đồng). Riêng vốn thu hút đầu tư FDI bằng 31,36% kế hoạch thu hút đầu tư FDI (tổng vốn thu hút đầu tư FDI dự kiến năm 2016 đạt 350 – 500 triệu USD) và bằng 4,2 lần so với cùng kỳ năm trước [12].

- Về công tác phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn các KCN, KKT:

+ Đẩy nhanh tiến độ và giải quyết các vướng mắc trong giải phóng mặt bằng các KCN, các dự án trọng điểm của Tập đoàn Texhong, Tập đoàn Sun Group và các dự án do Ban làm Chủ đầu tư. Hướng dẫn UBND các địa phương, chủ đầu tư hạ tầng KCN tổng hợp, đề xuất phân bổ vốn ứng trước 30% từ ngân sách tỉnh để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và hoàn thiện hồ sơ chứng minh đã chi trả tối thiểu 50% giá trị phương án giải phóng mặt bằng đã phê duyệt tại các KCN trên địa bàn tỉnh.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 phân bổ 8.300 triệu đồng từ nguồn trích lập quỹ (trích lập quỹ phát triển quỹ đất) để thực hiện giải phóng mặt bằng các KKT và KCN. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để làm việc với Tổng cục Quản lý đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định các

trường hợp thuộc Nhà nước thu hồi đất trong KKT; giải quyết vướng mắc liên quan đến chính sách thu hồi đất tại địa bàn các KKT; giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và thu hồi đất của một số doanh nghiệp trên địa bàn KKTCK Móng Cái; thẩm tra hồ sơ đất đai của một số đơn vị xin thuê đất trên địa bàn KKTCK Móng Cái. Rà soát tình hình cho thuê đất, cho thuê lại đất đối với tổ chức cá nhân nước ngoài trên địa bàn KCN, KKT; tổng hợp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các KCN đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, đến nay có 04/04 KCN có doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động đã có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Hướng dẫn các chủ đầu tư nhà máy xử lý nước thải kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc môi trường định kỳ theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Văn bản số 105/TCMT-QTMT ngày 20/01/2016 của Tổng cục Môi trường. Xây dựng Kế hoạch và triển khai các công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016. Có công điện khẩn gửi các doanh nghiệp trong KCN, KKT và các nhà thầu thi công về việc chủ động đối phó với tình hình mưa lũ bất thường. Hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KKT thực hiện chương trình quan trắc môi trường.

- Về công tác quản lý lao động, tính đến cuối tháng 5/2016, tổng số lao động làm việc trong các KCN là 14.184 người, gồm 13.917 lao động Việt Nam và 267 lao động nước ngoài (trong đó 241 lao động là người Trung Quốc). Trên địa bàn các KCN, 36/44 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đã thành lập công đoàn cơ sở với tổng số đoàn viên là 11.290 người.

- Về công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo Công khai – Nhanh chóng – Chính xác – Đúng pháp luật: Rà soát, đơn giản hóa Bộ TTHC, báo cáo UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1204/QĐ-UBND

ngày 21/4/2016 về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban. 07 thủ tục được đăng ký để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 100% thủ tục được giải quyết trước hoặc đúng hạn. Không có trường hợp đơn thư khiếu nại tố cáo về cán bộ công chức của Ban có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người lao động giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức công vụ và kỷ cương hành chính.

2.2.3. Nhận xét về thực tiễn thực hiện pháp luật về xúc tiến đầu tư tại Quảng Ninh

Bám sát Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư do Thủ tướng Chính phủ ban hành, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai đồng bộ các giải pháp, từ việc xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm; xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư với nhiều ngôn ngữ khác nhau; đánh giá tiềm năng, xu hướng đầu tư; đến việc tổ chức đi xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, chủ động tìm kiếm và mời gọi các nhà đầu tư. Hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua đã có những chuyển biến đáng kể về cả nội dung và phương pháp. Có thể nhấn mạnh một số nét mới về thành tựu của tỉnh Quảng Ninh trong hoạt động xúc tiến đầu tư như sau:

Thứ nhất, đã huy động được toàn hệ thống chính trị tham gia vào công tác xúc tiến đầu tư, các địa phương trong tỉnh đã tích cực đổi mới phương pháp, chủ động tìm kiếm nhà đầu tư. Một số các hoạt động xúc tiến đầu tư có sự tham gia tích cực của các địa phương như: Hội nghị công bố quy hoạch, nâng cao năng lực cạnh tranh huyện Bình Liêu ngày 18/9/2015; Hội nghị công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch Khu Kinh tế cửa khẩu Móng Cái ngày 07/11/2015; Hội nghị xúc tiến đầu tư phía Nam với sự tham gia của các địa phương Uông Bí, Ba Chẽ, Cô Tô ngày 05/10/2015... Tất cả các hoạt động này đều mang đậm dấu ấn các hoạt động xúc tiến đầu tư và tạo sự sôi động

đáng kể về môi trường đầu tư tại Quảng Ninh nói chung và các địa phương nói riêng. Đã thành lập Japan Desk (Tổ công tác Nhật Bản) đặt tại Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư. Japan Desk chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm đã phát huy được hiệu quả tích cực. Đây là bộ phận chuyên trách hỗ trợ doanh nghiệp Nhật Bản, là cầu nối giữa các công ty và tổ chức Nhật Bản với tỉnh Quảng Ninh.

Thứ hai, Quảng Ninh đã chủ động tìm hiểu và tiếp cận các nhà đầu tư bằng nhiều hình thức khác nhau. Giai đoạn đầu gửi thư điện tử và thư mời qua đường bưu điện tới hơn 300 doanh nghiệp nước ngoài được lựa chọn, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh và cơ hội đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh. Giai đoạn tiếp theo, đã tiếp cận và làm việc với các tổ chức quốc tế có vai trò hỗ trợ xúc tiến đầu tư như: Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản (JBAV), Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc (KCCI), Trung tâm Xúc tiến thương mại Hàn Quốc (KOTRA), Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), Phòng Thương mại và Công nghiệp Đức (GIC/AHK)... và một số công ty tư vấn, ngân hàng nước ngoài. Xây dựng và giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có uy tín trong và ngoài nước để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ trong việc quảng bá, giới thiệu và xúc tiến đầu tư vào tỉnh. Tỉnh Quảng Ninh thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin với tổ chức JETRO Hà Nội, các thành viên Hội đồng cố vấn Nhật Bản, các Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam và các Tham tán kinh tế, đầu tư của Việt Nam tại nước ngoài... Đặc biệt, Chương trình hợp tác với Viện nghiên cứu kinh tế Việt Nam của Nhật Bản (VERI) và tỉnh Quảng Ninh đã được ký kết để thúc đẩy quảng bá, giới thiệu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch vào thị trường Nhật Bản thông qua Bộ phận Japan Desk của Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư.

Thứ ba, các hoạt động truyền thông, quảng bá cũng có nhiều thay đổi. Hoạt động xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh được tích cực triển khai qua nhiều kênh khác nhau, trong đó, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai ký hợp tác với 02 báo VnEconomy và Tạp chí Bizlive vào cuộc để hỗ trợ

tuyên truyền, quảng bá về môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Bên cạnh đó, đã có sự tham gia của hãng truyền thông quốc tế (JiJi Press) của Nhật Bản với hàng loạt các tin bài trên trang báo Nhật Bản về hoạt động của Lãnh đạo tỉnh với nỗ lực xúc tiến đầu tư, tăng cường quan hệ hợp tác với Nhật Bản.

Thứ tư, lần đầu tiên tỉnh Quảng Ninh có kế hoạch tổ chức khóa đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ xúc tiến đầu tư (diễn ra trong tháng 12/2015) nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng xúc tiến đầu tư cho các cán bộ phụ trách công tác Xúc tiến đầu tư của các Sở, Ban, Ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Nội dung tập trung vào phương pháp, công cụ để đánh giá thị trường, tiếp cận nhà đầu tư phù hợp; trang bị các kỹ năng cần thiết cho cán bộ XTĐT khi tiếp xúc, làm việc với các nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ và chăm sóc nhà đầu tư; và quán triệt, phổ biến một số văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến lĩnh vực đầu tư ngoài ngân sách.

Hình 2.4. Vinpearl Hạ Long Bay Resort



(Nguồn: investinquangning.vn)

Thứ năm, công tác quy hoạch các KCN, KKT phù hợp với định hướng và quy hoạch phát triển ngành, địa phương và vùng lãnh thổ; Trong nhiệm kỳ đã hoàn thành việc lập mới và điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng 07/11 KCN

và 01 phần KCN Dịch vụ Đàm Nhà Mạc; tham mưu cho UBND tỉnh lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng KKT Vân Đồn và KKTKC Hoàn Mô – Đồng Văn; xây dựng 05 quy hoạch phân khu chức năng KKT Vân Đồn; hoàn thành việc lập Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2,000 KKTKC Hoàn Mô – Đồng Văn, Nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2,000 khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh. Phối hợp với các đơn vị liên quan lập Quy hoạch chung xây dựng và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội KKT cửa khẩu Móng Cái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN, KKT cơ bản ổn định, duy trì mức tăng trưởng khá qua các năm, mang lại hiệu quả kinh tế nhất định. Các doanh nghiệp trong KCN có vốn đầu tư thực hiện lũy kế từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo đạt 674.25 triệu USD và 5,217.66 tỷ đồng; tạo mới hơn 5,630 việc làm cho người lao động. Những năm gần đây, các doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KKT đóng góp gần 10% tổng thu ngân sách của tỉnh hàng năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

Một là, hoạt động xúc tiến đầu tư tại địa phương đôi khi còn gặp khó khăn trong quá trình xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg, ngày 14/01/2014 về quy chế đối với hoạt động xúc tiến đầu tư. Ngày 15/6/2015 liên Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới ban hành hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn về việc xây dựng dữ liệu về xúc tiến đầu tư, các mẫu bảng biểu về tài liệu xúc tiến đầu tư. Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, tuy nhiên đến tháng 11/2015, Chính phủ mới ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành dẫn đến có giai đoạn lúng túng trong việc giải quyết các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư.

Hai là, kết nối giao thông chưa thuận tiện, thời gian di chuyển từ Hà Nội tới Hạ Long còn dài vẫn là một vấn đề mà các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm,

đặc biệt là nhà đầu tư Nhật Bản. Nhận diện được điều này, hiện nay tỉnh Quảng Ninh đang rất tích cực tập trung phát triển hạ tầng giao thông quan trọng, tạo động lực cho sự phát triển như khởi công xây dựng đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng nhằm rút ngắn một nửa thời gian di chuyển từ Hà Nội tới Quảng Ninh so với hiện nay, khởi công xây dựng Sân bay quốc tế Vân Đồn, đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn, cải tạo nâng cấp đường 18A đoạn Hạ Long – Mông Dương... Tuy nhiên, sẽ cần khoảng thời gian nhất định để hoàn thiện dự án và đi vào khai thác.

Ba là, việc xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông về xúc tiến đầu tư giữa địa phương và Trung ương chưa được đồng bộ khiến việc quản lý nhà nước trong công tác xúc tiến đầu tư còn gặp nhiều khó khăn. Tính liên kết vùng trong hoạt động xúc tiến đầu tư chưa được coi trọng đúng mức.

Kết luận chương 2

Trong những năm qua công tác xúc tiến đầu tư đã tác động quan trọng vào việc thu hút và sử dụng hiệu quả vốn FDI, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ chỗ chỉ được coi là công tác xúc tiến dự án trước cấp phép, trải qua nhiều giai đoạn phát triển của hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động xúc tiến đầu tư dần được mở rộng và bao quát cả công tác thúc đẩy triển khai và mở rộng dự án sau cấp phép. Nhằm tạo thuận lợi cho công tác xúc tiến đầu tư, ngoài việc đưa hoạt động này vào phạm vi điều chỉnh của hệ thống luật pháp về đầu tư, Chính phủ còn ban hành nhiều văn bản khác có liên quan về phương hướng xúc tiến đầu tư, gọi vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh việc sửa đổi và hướng dẫn thi hành kịp thời Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

Bằng những bước đi đúng đắn và có tính chiến lược, Quảng Ninh đã và đang phát huy lợi thế để bứt phá đi lên. Tỉnh đã tập trung các nguồn lực đầu tư nhằm sớm hoàn thiện các kết cấu hạ tầng để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Quảng Ninh bước đầu đã đạt được những kết quả khá vững chắc và tương đối toàn diện về nhiều mặt, góp phần giúp địa phương phát huy các lợi thế về sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch. Hiện nay, trong xu thế hội nhập quốc tế, đặc biệt khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) có hiệu lực, dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam sẽ ngày càng mạnh hơn nữa, đặc biệt trong phát triển thương mại và thu hút đầu tư. Khi thương mại được mở ra, nhờ các cam kết xóa bỏ rào cản thuế quan giữa 12 quốc gia thành viên, thì sẽ tác động mạnh mẽ đến đầu tư không chỉ trong nước, mà còn từ các thị trường đầu tư khác. TPP được xem là bước quan trọng trong việc tiến gần tới mục tiêu thúc đẩy thương mại tự do trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, việc tham gia TPP sẽ giúp Việt Nam có được các cơ hội mới từ chuỗi cung ứng mới hình thành sau khi TPP có hiệu lực. Các nước TPP chiếm tới 40% GDP và 30% thương mại toàn cầu, bao gồm các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản... Hiện tại, nhiều tập đoàn lớn trên thế giới như Samsung, Intel, Microsoft, LG... đã đầu tư mạnh vào Việt Nam với mục tiêu biến nước ta trở thành một trong những cứ điểm quan trọng nằm trong chuỗi sản xuất các mặt hàng công nghệ cao như bộ vi xử lý máy tính, điện thoại thông minh, các mặt hàng gia dụng sử dụng công nghệ mới... Đây là cơ hội rất lớn để nâng tầm nền kinh tế Việt Nam trong 5 – 10 năm tới. Cam kết trong TPP về dịch vụ và đầu tư dự kiến sẽ có tác dụng tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, góp phần thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, việc tham gia TPP cũng có không ít những thách thức, đặc biệt là sức ép cạnh tranh bởi nhận thức và nguồn nhân lực của Việt Nam còn hạn hẹp... Điều này sẽ chi phối kết quả hoạt động xúc tiến đầu tư trong cả nước nói chung và đối với tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ Ở QUẢNG NINH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư

Thời gian qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã đóng góp tích cực vào thành tựu tăng trưởng và phát triển của Việt Nam. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có tác động lan tỏa đến các khu vực của nền kinh tế, khơi dậy nguồn lực đầu tư trong nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải cách doanh nghiệp nhà nước, đổi mới thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua hợp tác đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã tăng cường mối quan hệ chính trị, đối ngoại, phát triển hữu nghị với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, đối tác trên thế giới. Tuy nhiên, thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian qua chưa đạt được một số mục tiêu kỳ vọng về thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghiệp hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng và chuyển giao công nghệ. Chất lượng của dự án đầu tư nước ngoài nhìn chung chưa cao, giá trị gia tăng thấp, chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ, sự tham gia đầu tư theo chuỗi sản xuất của các tập đoàn xuyên quốc gia còn hạn chế. Vì vậy, để tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về thu hút, sử dụng và quản lý đầu tư nước ngoài trong thời gian tới, cần thiết phải bổ sung và hoàn thiện pháp luật về xúc tiến đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư... theo các định hướng sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về đầu tư, xúc tiến đầu tư và chính sách ưu đãi đầu tư, nghiên cứu đề hướng dẫn thi hành hiệu quả Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014 phù hợp với yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, tạo khung pháp lý thuận lợi, minh bạch cho việc thành lập, hoạt động của doanh nghiệp; rà soát tổng thể hệ thống pháp luật hiện hành, trước hết là các luật liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh như Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Chuyển giao công nghệ... giải quyết những khó khăn trong hoạt động đầu tư của nhà đầu tư, đặc biệt là những vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về điều kiện đầu tư và thủ tục đầu tư. Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện đầu tư và lĩnh vực đầu tư có điều kiện phù hợp với chủ trương thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nâng cao hiệu quả và hiệu lực công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, đồng thời hoàn thiện chế độ phân cấp quản lý đầu tư và các quy định về thủ tục đầu tư theo nguyên tắc đơn giản hóa thủ tục, nhưng phải đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát và phối hợp giữa các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư phù hợp với định hướng nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

- Sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư bảo đảm tính hệ thống từ ưu đãi thuế (Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất nhập khẩu), ưu đãi tài chính đến ưu đãi phi tài chính; thống nhất giữa chính sách thuế và chính sách đầu tư nhằm góp phần nâng cao tính cạnh tranh với các nước trong khu vực về thu hút đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, điều chỉnh đối tượng hưởng ưu đãi về thuế theo hướng gắn ưu đãi theo ngành, lĩnh vực ưu tiên theo vùng lãnh thổ để thúc đẩy sự phân công lao động giữa các địa phương; thực hiện ưu đãi đầu tư có chọn lọc phù hợp với định hướng mới đối với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; nghiên cứu, bổ sung ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp. Đồng thời, rà soát, bỏ bớt các hạn chế không cần thiết và cho phép tham gia nhiều hơn vào các thị trường vốn, thị trường tài chính trên nguyên tắc hiệu quả, nhưng chặt chẽ. Ngoài căn cứ xét ưu đãi theo lĩnh vực và địa bàn, cần nghiên cứu bổ sung

tiêu chí để xét ưu đãi đầu tư như: Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, dự án có giá trị gia tăng cao, dự án sử dụng nhiều nguyên liệu, vật tư trong nước và dự án cam kết chuyển chuyển giao công nghệ tiên tiến...

- Điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách nhằm khuyến khích nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng; Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp hỗ trợ, dự án công nghệ cao... Điều chỉnh một số nguyên tắc quản lý và phân cấp đầu tư, khẩn trương xây dựng cơ chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp việc cấp giấy chứng nhận đầu tư nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, chịu trách nhiệm của địa phương, đồng thời đảm bảo quản lý thống nhất của Trung ương, trong đó, bổ sung quy trình thẩm định đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong đó bao gồm cả các dự án quy mô lớn, có sức lan tỏa, có tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng và quốc gia, dự án sử dụng diện tích đất lớn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư. Kiên quyết đình chỉ đối với những dự án đã được cấp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư mà không phù hợp với quy hoạch, quy trình, thủ tục... Đối với dự án có quy mô lớn, có tác động lớn về kinh tế, xã hội, cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư cần chú trọng xem xét, đánh giá về khả năng huy động vốn của nhà đầu tư, có các chế tài hoặc yêu cầu đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ triển khai dự án đúng tiến độ.

Thứ hai, đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư cần gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; có sự điều phối chung thống nhất của Trung ương đối với

các hoạt động xúc tiến đầu tư trong cả nước về nội dung, thời gian, địa điểm; được thực hiện theo định hướng và kế hoạch thu hút đầu tư nước ngoài nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư. Theo đó, hằng năm và từng thời kỳ, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và đặc thù, lợi thế của từng vùng, địa phương cũng như xu hướng của dòng vốn đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, ban hành tiêu chí hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư. Các Bộ, ngành, địa phương trên cơ sở tiêu chí do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành để xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư theo từng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, thống nhất, điều phối chung (về nội dung, thời gian, địa điểm...) và hướng dẫn phối hợp; khắc phục tình trạng chồng chéo, kém hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường xúc tiến đầu tư đối với các tập đoàn lớn, đa quốc gia; đồng thời, chú trọng xúc tiến đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu xu hướng dòng vốn đầu tư nước ngoài và các đối tác tiềm năng để chủ động tiếp cận và xúc tiến giới thiệu các dự án đầu tư.

Khi tiến hành xúc tiến đầu tư ở nước ngoài, trong những trường hợp cần thiết (như: địa bàn xúc tiến đầu tư có nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, đối tác quan trọng, quy mô hoạt động xúc tiến đầu tư lớn hoặc có nhiều địa phương cùng đi xúc tiến đầu tư ở nước ngoài vào cùng thời gian và địa điểm...) thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổ chức Đoàn hoặc tham gia để hỗ trợ và trình bày về các chính sách chung, còn các Bộ, ngành, địa phương sẽ trình bày về lợi thế, đặc thù, tiềm năng và sự hỗ trợ của ngành, địa phương mình.

Coi trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, theo đó, cần tăng cường hỗ trợ các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư để các dự án này triển khai hoạt động một cách thuận lợi, có hiệu quả; tăng cường đối thoại với các nhà đầu tư giải quyết kịp thời những kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Phải coi việc xúc tiến đầu tư tại chỗ là kênh quan

trọng và thông qua các nhà đầu tư đã thành công tại Việt Nam để trình bày về kinh nghiệm đầu tư tại Việt Nam và giới thiệu về môi trường đầu tư tại Việt Nam. Bổ sung các quy định về xúc tiến đầu tư nhằm hình thành khung pháp lý về xúc tiến đầu tư đáp ứng yêu cầu vận động thu hút đầu tư trong thời gian tới.

Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, các cơ quan cấp phép đầu tư phải tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn để kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để tìm giải pháp hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn; đôn đốc các dự án chậm tiến độ, chậm triển khai hoặc chưa tuân thủ các cam kết; đồng thời, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật. Cùng với đó là tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình cấp phép và quản lý dự án đầu tư nước ngoài của các cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư để chấn chỉnh công tác cấp phép và quản lý sau cấp phép, tập trung vào các nội dung: Việc tuân thủ các quy trình, quy định của pháp luật trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, cấp phép; việc quy định các ưu đãi đối với các dự án; việc thực hiện trách nhiệm kiểm tra, giám sát sau cấp phép,... Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành cùng các cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư tăng cường phối hợp, rà soát, khi cần thiết thì tiến hành kiểm tra đối với các dự án đầu tư nước ngoài, đặc biệt lưu ý các dự án thuộc các nhóm: có quy mô lớn; chiếm diện tích đất lớn; dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường; dự án tiêu tốn năng lượng; các dự án nhạy cảm khác... Trong quá trình kiểm tra, giám sát, khi phát hiện sai phạm thì tùy theo mức độ có thể kiến nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, vi phạm quy định của pháp luật,... hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xúc tiến đầu tư

3.2.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về thu hút và xúc tiến đầu tư

Xúc tiến đầu tư với các hoạt động xây dựng hình ảnh đóng vai trò như là chiếc cầu nối giúp giải quyết sự bất cân xứng thông tin, các hoạt động này sẽ giúp các nhà tư vấn/môi giới hay chính các nhà đầu tư có được những thông tin tổng thể, chính xác về môi trường đầu tư, thông qua đó, lợi thế cạnh tranh của nước sở tại về thu hút đầu tư nước ngoài cũng được tăng cường, nâng cao. Bởi vậy, cần tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh, cụ thể hóa các chính sách về các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực: phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước, môi trường đô thị,...), phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho người có thu nhập thấp; xây dựng công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, văn hoá, thể thao) cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Không cấp phép cho các dự án công nghệ lạc hậu, dự án tác động xấu đến môi trường; thẩm tra kỹ các dự án sử dụng nhiều đất, giao đất có điều kiện theo tiến độ dự án; cân nhắc về tỷ suất đầu tư/diện tích đất, kể cả đất Khu công nghiệp.

Nghiên cứu, xây dựng những cơ chế, chính sách đặc thù của từng địa phương về huy động các nguồn vốn từ quỹ đất, điều tiết ngân sách, huy động vốn cho các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội lớn, nhất là mạng lưới giao thông, hệ thống cấp thoát nước và nhà ở; hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư nhằm thu hút, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia; đồng thời đẩy mạnh áp dụng các hình thức đầu tư BT, BOT, BTO, PPP. Hoàn thiện cơ chế tài chính và đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư; kiểm soát chặt chẽ các dự án, công trình khởi công mới,

xác định rõ nguồn vốn, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Tiếp tục thực hiện nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, coi các khoản đầu tư từ ngân sách và có nguồn gốc ngân sách là nguồn “vốn mồi”, đồng thời tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư khác. Cần ban hành Nghị định hướng dẫn thực thi Luật đầu tư sớm khi có hiệu lực, nhằm giải đáp các vướng mắc của các tổ chức, cá nhân.

3.2.2. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Cần phải coi cải cách hành chính là giải pháp mang tính đột phá nhằm cải thiện môi trường đầu tư; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đổi mới toàn diện, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong việc thẩm định và cấp phép; tạo điều kiện cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi được cấp phép triển khai nhanh và sớm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh việc công khai, minh bạch hóa thông tin, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong giải quyết vấn đề mặt bằng sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư.

Cải thiện cơ sở hạ tầng, bố trí cơ cấu ngân sách hợp lý, ưu tiên cho phát triển cơ sở hạ tầng giúp kết nối giao thông thuận tiện hơn. Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực này thông qua các hình thức BOT, BT, BTO, PPP. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giúp cho doanh nghiệp giảm chi phí tuyển dụng, giảm chi phí đào tạo lao động và nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng lao động.

3.2.3. Xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông về xúc tiến đầu tư một cách đồng bộ giữa các cấp, Ban ngành

Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức cán bộ của các tổ chức, đơn vị có chức năng xúc tiến đầu tư, khuyến khích, tạo điều kiện, tăng cường sự chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ xúc tiến đầu tư ở các địa phương. Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức thống nhất, hợp lý, hiệu quả cho tổng thể công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của mỗi tỉnh.

Nâng cấp các trang thông tin điện tử của địa phương, đảm bảo để các website này đăng tải thông tin đầy đủ, thống nhất số liệu, minh bạch các thông tin cho nhà đầu tư bằng nhiều ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật... đồng thời thường xuyên cập nhật thông tin kịp về cơ chế, chính sách chuyên ngành có liên quan đến hoạt động đầu tư nhằm cung cấp thông tin kịp thời đến nhà đầu tư. Liên kết website xúc tiến đầu tư của từng địa phương với website của 3 Trung tâm Xúc tiến đầu tư ở ba miền Bắc – Trung - Nam, Cục Đầu tư nước ngoài, các tổ chức xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để tăng cường quảng bá hình ảnh, tiềm năng và cơ hội đầu tư của các địa phương.

Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức các tài liệu xúc tiến đầu tư. Từng ngành cần lập các báo cáo phân tích năng lực sản xuất, cấu trúc thị trường, môi trường cạnh tranh hiện tại của một số ngành, lĩnh vực đang tập trung xúc tiến đầu tư như công nghệ cao, công nghệ phụ trợ để hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác khảo sát thị trường và ra quyết định đầu tư tại địa phương. Chủ động gửi các tài liệu ấn phẩm xúc tiến đầu tư của thành phố thông qua đại diện ngoại giao và Bộ Kế hoạch và đầu tư tại các Đại sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài để tuyên truyền, quảng bá và mời gọi đầu tư. Tăng cường trao đổi thông tin với tham tán Đại sứ quán của Việt Nam phụ trách xúc tiến đầu tư tại các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc... để làm cầu nối tuyên truyền, quảng bá, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư tại các quốc gia mục tiêu.

Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, xây dựng kế hoạch và cơ chế riêng để tiếp cận một số tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước, các nhà đầu tư tiềm năng; các đối tác trọng điểm, tiếp cận và vận động các công ty, tập đoàn lớn có thực lực về tài chính - công nghệ cao để xúc tiến các dự án trọng điểm. Duy trì đối thoại thường xuyên với các nhà đầu tư nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ và nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại từng địa phương, tạo hiệu

ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới. Tích cực tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia. Cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn; hợp tác với các cơ quan tổ chức trong và ngoài nước đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư.

3.2.4. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh

Trong những năm qua, quan điểm chỉ đạo của tỉnh Quảng Ninh về xúc tiến đầu tư là xúc tiến đầu tư thiết thực, hiệu quả, đồng thời, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Mọi người, mọi cấp, mọi ngành, mọi lúc, mọi nơi đều có thể tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng hình ảnh và cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh; tiếp tục bám sát và thực hiện 3 đột phá chiến lược là: Xây dựng thể chế và cải cách hành chính; phát triển hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực; đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư phải đảm bảo các lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư đi đôi với cải thiện môi trường đầu tư. Tập trung thu hút đầu tư vào lĩnh vực trọng tâm, dự án trọng điểm như xây dựng hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối nhanh hơn với khu vực và quốc tế; nhất là tại các địa bàn trọng điểm như TP. Hạ Long, Khu kinh tế Vân Đồn và Móng Cái, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các dự án hạ tầng về du lịch, dịch vụ y tế, giáo dục, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp. Xác định rõ địa bàn trọng điểm, đối tác, nhà đầu tư chiến lược trong giai đoạn sắp tới để xúc tiến đầu tư. Xúc tiến đầu tư đối với các tập đoàn, các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia, các công ty vừa và nhỏ (đối với ngành công nghiệp hỗ trợ) trong và ngoài nước có định hướng, chiến lược phát triển mở rộng thị trường, cam kết đầu tư lâu dài. Thị trường mục tiêu là các nước Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ, Châu Âu, Trung Đông. Chương trình xúc tiến đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh năm 2016 và các năm tiếp theo được xác định rõ là: Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng danh mục

dự án kêu gọi đầu tư; xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối; đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư... Tuy nhiên, để thực thi hiệu quả định hướng và các chương trình xúc tiến đầu tư, Quảng Ninh cần tiến hành một số giải pháp sau đây:

Một là, xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư có trọng điểm

Một chiến lược xúc tiến đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài (FDI) có trọng điểm yêu cầu phải xác định được ngành nghề, hoạt động, quốc gia và cả các công ty cần tập trung vận động đầu tư. Đối với Quảng Ninh, việc đầu tiên là cần xác định vị trí của mình so với các đối thủ cạnh tranh là các địa phương khác trong cả nước nhằm xác định điểm mạnh cũng như điểm yếu của mình, tức là cần xác định khả năng và những lợi thế thu hút của Quảng Ninh. Những lợi thế này có thể kể đến như: vị trí địa lý thuận lợi, nguồn nhân lực trẻ được đào tạo cơ bản, đồng đảo và chi phí thấp; tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định qua các năm; có nhiều khu công nghiệp phát triển tương đối hoàn chỉnh và cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ... Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các quốc gia thu hút FDI thì việc xúc tiến đầu tư của Quảng Ninh càng phải chú trọng xác định không chỉ với các ngành mà cả những hoạt động, những khu vực kinh tế mới... để có thể nâng lợi thế lên mức tối đa.

Đối với các lĩnh vực trọng tâm xúc tiến đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư các nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao như các ngành điện – điện tử, cơ khí; hóa chất – plastic – công nghệ sinh học và ngành công nghiệp hỗ trợ; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng... Các ngành dịch vụ chất lượng cao như: giáo dục, y tế, tài chính, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, phân phối, cảng – kho bãi, giao thông vận tải. Đẩy mạnh phát triển các loại hình thương mại dịch vụ phục vụ công nhân (nhà ở, xe đưa rước), nông dân – nông

ng nghiệp – nông thôn, các dự án chăn nuôi đại gia súc và gia cầm (chăn nuôi bò sữa, bò thịt, heo, gia cầm); trồng cây công nghiệp, cây ăn trái, trồng rau sạch, trồng hoa...

Với các lĩnh vực trọng tâm xúc tiến đầu tư đã xác định trên đây, các hoạt động xúc tiến đầu tư của Quảng Ninh nói chung và các khu công nghiệp nói riêng cần phải tập trung vào các quốc gia tiềm năng có thể mạnh ở các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp để xúc tiến, kêu gọi đầu tư, hợp tác chặt chẽ với các nhà tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, các hiệp hội, đại diện phòng thương mại và công nghiệp của các quốc gia và vùng lãnh thổ tại Việt Nam.

Hai là, cải thiện môi trường đầu tư đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề thuộc lĩnh vực trọng tâm

Trước hết, cần xây dựng chính sách thu hút, sử dụng và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp; tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính để cung cấp tốt hơn nữa dịch vụ công. Mặt khác, Quảng Ninh cũng cần ưu tiên thu hút các dự án đầu tư thuộc nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ để có thể cung ứng sản phẩm trực tiếp cho các doanh nghiệp FDI có nhu cầu trên địa bàn tỉnh; không ngừng hoàn thiện quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp; hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải các khu công nghiệp tập trung; đảm bảo cho một số ngành công nghiệp ô nhiễm có nơi sản xuất và xử lý tốt.

Ba là, nâng cao hiệu quả sử dụng trang Web trong xúc tiến đầu tư

Trong thời gian tới, Quảng Ninh cần chú ý nâng cấp, hoàn thiện và cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời hàng ngày trên trang web, quan tâm hơn việc cung cấp chính xác thông tin về môi trường đầu tư và pháp luật liên quan đến đầu tư, không chỉ bằng tiếng Việt và tiếng Anh mà nên sử dụng thêm một số ngôn ngữ khác như tiếng Nhật, tiếng Trung và tiếng Hàn Quốc. Quan trọng hơn cả vẫn là việc đào tạo và hỗ trợ cho những người làm việc trong lĩnh vực liên quan đến FDI để có thể sử dụng hiệu quả trang Web trong công việc, cũng như là công cụ hiện đại, hiệu quả trong thu hút các doanh nghiệp FDI.

Bốn là, đổi mới nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư

Quảng Ninh nên xây dựng một thông điệp marketing hấp dẫn hơn như: “Quảng Ninh – điểm vàng cho đầu tư – khởi đầu của bền vững”. Ở thông điệp này, không những nói lên những lợi thế hấp dẫn mà nhà đầu tư chỉ có được ở Quảng Ninh mà còn chuyển tải thông điệp luôn cố gắng cải thiện môi trường đầu tư, nhằm bắt kịp với các xu thế đầu tư của thế giới, tạo sự an tâm cho nhà đầu tư kinh doanh lâu dài. Với vị trí địa lý chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại ở phía Đông Bắc Bộ, tỉnh còn có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đặc biệt, có Vịnh Hạ Long 2 lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, là kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới; quần thể Vịnh Bái Tử Long với khoảng 600 hòn đảo đất và đảo đá, biệt lập với đất liền có cảnh quan đặc sắc, đa dạng.

Quảng Ninh cũng cần vận động, thu hút nhà đầu tư mục tiêu, xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhà đầu tư tiềm năng. Bằng cách liên hệ với các tổ chức trung gian (Đại sứ quán, công ty tư vấn, đại lý môi giới, các trung tâm/hiệp hội xúc tiến đầu tư, thương mại...) hoặc qua mối quan hệ với những nhà đầu tư hiện tại để có được thông tin về nhà đầu tư tiềm năng. Trên nền tảng đó sẽ thực hiện marketing trực tiếp qua gửi thư và gọi điện thoại, thuyết trình tại công ty để “tiếp cận trực tiếp, đón đầu cơ hội”. Tổ chức các phái đoàn xúc tiến đầu tư, cần có sự liên kết giữa các doanh nghiệp và chính quyền để tiết kiệm chi phí, đẩy mạnh năng lực ngoại ngữ của các cán bộ đi xúc tiến, đồng thời nên thông tin trước cho phía đối tác trước 3 tháng để họ chuẩn bị, nghiên cứu các thông tin cần thiết và kêu gọi được các nhà đầu tư tiềm năng với số lượng lớn. Chủ động đưa ra các khuyến khích, ưu đãi nhằm hỗ trợ nhà đầu tư. Cụ thể, đối với các dịch vụ trước cấp phép, tỉnh cần đẩy mạnh những dịch vụ tạo sự khác biệt như đưa đón, hỗ trợ nhà đầu tư các vấn đề về chỗ nghỉ, ăn uống; tổ chức cho chính quyền địa phương gặp gỡ sớm với nhà đầu tư để họ thấy được sự tiếp đón, hỗ trợ ngay từ đầu của chính quyền và rút ngắn thời gian thăm thực địa của nhà đầu tư. Đối

với các dịch vụ sau cấp phép, nên xây dựng hệ thống theo dõi dự án sau cấp phép trên mô hình điện tử, có liên kết với các đơn vị chức năng liên quan trong việc triển khai dự án của nhà đầu tư để liên tục cập nhật tình hình của dự án, hỗ trợ ngay khi khó khăn mới bắt đầu.

Năm là, xây dựng nền tảng để tạo ra đầu tư mới

Xúc tiến đầu tư là một trong những sản phẩm cốt lõi của việc thu hút đầu tư, vì vậy, chúng ta cần cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thị trường hiệu quả để các nhà đầu tư giành chiến thắng đầu tư mới. Các dòng sản phẩm hỗ trợ nhu cầu của nhà đầu tư gia tăng nhanh chóng trong đầu tư bằng cách tấn công các cơ hội trong lĩnh vực hoặc ngành cụ thể, trong bối cảnh tạo ra việc làm và phát triển bền vững.

Kết luận chương 3

Xúc tiến đầu tư với các hoạt động xây dựng hình ảnh đóng vai trò như là chiếc cầu nối giúp giải quyết sự bất cân xứng thông tin, các hoạt động này sẽ giúp các nhà tư vấn/môi giới hay chính các nhà đầu tư có được những thông tin tổng thể, chính xác về môi trường đầu tư, thông qua đó, lợi thế cạnh tranh của nước sở tại về thu hút đầu tư nước ngoài cũng được tăng cường, nâng cao. Bởi vậy, cần tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh, cụ thể hóa các chính sách về các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực mang tính trọng tâm, trọng điểm.

Quảng Ninh là tỉnh có vị trí địa lý chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng nên sự phát triển của Quảng Ninh sẽ gây hiệu ứng lan tỏa đối với các tỉnh, thành trong khu vực lân cận. Để thực hiện tốt điều này, cần phải thu hút nhiều vốn FDI hơn, đẩy

mạnh công tác xúc tiến đầu tư. Hơn nữa, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nền kinh tế ngày càng khó khăn thì những đột phá trong công tác xúc tiến đầu tư lại càng quan trọng và cần thiết không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với bất kỳ quốc gia nào. Do vậy, cần không ngừng sửa đổi, hoàn thiện pháp luật xúc tiến đầu tư như: đưa ra các chế độ ưu đãi hấp dẫn, phát triển môi trường đầu tư, cải cách hành chính... nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giúp đất nước ngày càng phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về xúc tiến đầu tư từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*” trong khuôn khổ Luận văn Thạc sỹ luật học, cho phép học viên rút ra một số kết luận như sau:

1. Pháp luật về xúc tiến đầu tư được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm quy định nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư; nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư; việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư nhằm khuyến khích hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Tính hiệu quả của pháp luật về xúc tiến đầu tư có đặc điểm cơ bản là phụ thuộc vào chính sách, pháp luật về đầu tư của các quốc gia. Kinh nghiệm pháp luật một số quốc gia cho thấy, môi trường đầu tư và chính sách đầu tư ảnh hưởng to lớn đến hoạt động xúc tiến đầu tư, trong đó, các vấn đề pháp lý như thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật... là những ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng xúc tiến đầu tư.

2. Nhà nước khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực. Khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa; huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Về hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư, trong phạm vi quản lý của mình, các

Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư.

3. Xúc tiến đầu tư với các hoạt động xây dựng hình ảnh đóng vai trò như là chiếc cầu nối giúp giải quyết sự bất cân xứng thông tin, các hoạt động này sẽ giúp các nhà tư vấn/môi giới hay chính các nhà đầu tư có được những thông tin tổng thể, chính xác về môi trường đầu tư. Bởi vậy, cần tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh, cụ thể hóa các chính sách về các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực mang tính trọng tâm, trọng điểm.

4. Quảng Ninh là tỉnh có vị trí địa lý chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng nên sự phát triển của Quảng Ninh sẽ gây hiệu ứng lan tỏa đối với các tỉnh, thành trong khu vực lân cận. Để thực hiện tốt điều này, cần phải thu hút nhiều vốn FDI hơn, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư. Hơn nữa, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nền kinh tế ngày càng khó khăn thì những đột phá trong công tác xúc tiến đầu tư lại càng quan trọng và cần thiết không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với bất kỳ quốc gia nào. Do vậy, cần không ngừng sửa đổi, hoàn thiện pháp luật xúc tiến đầu tư như: đưa ra các chế độ ưu đãi hấp dẫn, phát triển môi trường đầu tư, cải cách hành chính... nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giúp đất nước ngày càng phát triển bền vững.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Quảng Ninh, *Bước tiến trong thu hút đầu tư*, <http://baoquangninh.com.vn/kinh-te/xuc-tien-dau-tu/201607/huyen-ba-che-thuc-hien-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-nam-2016-buoc-tien-trong-thu-hut-dau-tu-2310311/>
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2003), *Kỹ năng xúc tiến đầu tư*, biên dịch, NXB Chính trị quốc gia.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: www.mpi.gov.vn
4. Luật Đầu tư năm 2014
5. Luật Doanh nghiệp năm 2014
6. Luật Đầu tư năm 2005
7. Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
8. Nghị định 83/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài được Chính phủ ban hành ngày 25/9/2015.
9. Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
10. Quyết định 19/2015/QĐ-TTg quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.
11. Quyết định 1371/QĐ-UBND về việc ban hành chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh Quảng Ninh năm 2016.
12. Quyết định 1315/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục dự án kêu gọi, thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn năm 2015 – 2020 và định hướng đến năm 2030.
13. Quyết định 816/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục dự án kêu gọi, thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ninh năm 2016, định hướng giai đoạn 2016 – 2020.
14. Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư.
15. Quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư
<http://business.gov.vn/tabid/99/catid/10/item/12911/qu%E1%BA%A3n% C3%BD-nh%C3%A0-n%C6%B0%E1%BB%9Bc-ho%E1%BA%A1t->

[%C4%91%E1%BB%99ng-x%C3%BAc-ti%E1%BA%BFn-%C4%91%E1%BA%A7u-t%C6%B0.aspx](#)

16. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh: www.dpiquangninh.gov.vn
17. Nguyễn Đức Tiệp, Ban IPA Quảng Ninh, Báo Quảng Ninh điện tử
18. Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
19. UBND tỉnh Quảng Ninh : www.quangninh.gov.vn
20. Xúc tiến đầu tư phát huy hiệu quả, <http://www.vietnamembassy-slovakia.vn/en/vnemb.vn/tinkhac/>
21. Draft Foreign Investment Law of the People's Republic of China.
22. Foreign Investment Promotion Act (Republic of Korea).
23. IMF (2009), Balance of Payments and International Investment Position, Manual, 6th edition, Washington DC, 2009, p.100.
24. Jacques Morisset and Kelly Andrews- Johnson, The Effectiveness of Promotion Agencies at Attracting Foreign Direct Investment, FIAS Occasional Paper 16.
25. SRI International, An Assessment of Investment Promotion Activities, Final Report.
26. WAIPA (2010), Investment Promotion Agencies and Sustainable FDI: Moving toward the fourth generation of investment promotion.
27. Wells, Jr., and Wint (2000), Marketing a country: Promotion as a Tool for Attracting Foreign Direct Investment (Revised Edition), FIAS March 2000.
28. <http://investinquangninh.vn/>
29. <http://www.baoquangninh.com.vn/xuc-tien-dau-tu/>
30. <http://www.aseanbriefing.com/news/2015/08/19/thailands-new-investment-promotion-policies-open-a-new-door-to-foreign-investors.html>

PHỤ LỤC 1
CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư)

A. DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo

1. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.
2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép.
3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều.
4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chỉnh hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
5. Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, Internet, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

II. Nuôi trồng, chế biến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

9. Trồng, chăm sóc rừng.

10. Nuôi trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác.
11. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
12. Sản xuất giống mới, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao.
13. Sản xuất, khai thác, tinh chế muối.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao

14. Ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.
15. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
16. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.
17. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

IV. Sử dụng nhiều lao động

18. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng

19. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục và thể thao

20. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.
21. Thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.
22. Thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.
23. Xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao, thể thao cho người tàn tật, cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu quốc tế.

VII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác

24. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên.
25. Dịch vụ cứu hộ trên biển.
26. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

B. DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

- I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo
 1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thủy tinh; xi măng đặc chủng.
 2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.
 3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.
 4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.
 5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.
 6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.
 7. Phát triển công nghiệp hoá dầu.
 8. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.
 9. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y.
 10. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y;
 11. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.
 12. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm

thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.

13. Sản xuất sản phẩm điện tử.
14. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.
15. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.
16. Đầu tư sản xuất động cơ diezen; đầu tư sản xuất và sửa chữa, đóng tàu thủy; thiết bị phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.
17. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải; đầu máy xe lửa, toa xe.
18. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
19. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da, .

II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản, làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

20. Trồng cây dược liệu.
21. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.
22. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.
23. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
24. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
25. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và wòm tạo công nghệ cao

26. Sản xuất thiết bị ứng phó, xử lý tràn dầu.
27. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

28. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

IV. Sử dụng nhiều lao động

29. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng

30. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

31. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.

32. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

33. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, cảng hàng không, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe; mở thêm các tuyến đường sắt.

34. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc Phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định này.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc

35. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

36. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

37. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

38. Thành lập: nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

39. Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

VII. Phát triển ngành nghề truyền thống

40. Xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống về sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, các sản phẩm văn hóa.

VIII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác

41. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng tại địa bàn quy định tại Phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định này.

42. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: phát triển tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải đường sắt, phương tiện vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thủy nội địa chở khách hiện đại, tốc độ cao, phương tiện chở công-ten-nơ, phương tiện vận tải viễn dương.

43. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

44. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

45. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

46. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

47. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

48. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh.

49. Sản xuất hoá chất cơ bản, hoá chất tinh khiết, hoá chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

50. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hoá chất.

51. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

52. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

53. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư)

<i>STT</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</i>	<i>Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</i>
5	Quảng Ninh	Các huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh.	Huyện Vân Đồn

Ngoài ra đối với địa bàn Khu kinh tế Vân Đồn được hưởng các ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của khoản 3 điều 16 nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 Quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế.

Trích: “Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư mở rộng, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Nghị định này”.

<i>Khu kinh tế Vân Đồn</i> <i>Khu kinh tế cửa khẩu</i>	<i>Khu công nghiệp</i>	<i>Ngoài Khu CN, Khu kinh tế, Khu kinh tế cửa khẩu</i>
I. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
	1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với áp dụng đối với các trường hợp sau:	

	<p>chất thải; phát triển công nghệ sinh học;</p> <p>b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> <p>c) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ khi được cấp phép đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10 nghìn tỷ đồng/năm chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu. - Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ khi được cấp phép đầu tư và sử dụng trên 3.000 lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu.
	<p>Thu nhập của doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh, khu công nghệ cao;</p>
<p>2. Áp dụng thuế suất 10% đối với các khoản thu nhập sau:</p> <p>a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.</p> <p>b) Phần thu nhập từ hoạt động xuất bản của Nhà xuất bản theo quy định của</p>	

<p>Luật xuất bản;</p> <p>c) Phần thu nhập từ hoạt động báo in (kể cả quảng cáo trên báo in) của cơ quan báo chí theo quy định của Luật báo chí;</p> <p>d) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 Luật nhà ở.</p>		
<p>đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối; sản xuất muối; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm;</p>	<p>đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ: Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm;</p> <p>e) Phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.</p>	
	<p>3. Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm đối với thu nhập của các doanh nghiệp thực hiện đầu tư mới. (Khoản 3 Điều 15, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013)</p> <p>Miễn thuế 2 năm và giảm</p>	<p>3. Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm, Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với các trường hợp sau: (Khoản 3, Điều 15, Nghị định 218/2013/NĐ-CP</p>

	<p>50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập của các doanh nghiệp thực hiện đầu tư mới tại các khu công nghiệp trừ khu công nghiệp Việt Hưng.</p>	<p>ngày 26/12/2013) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.</p>
<p>4. Miễn thuế thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp;</p>	<p>4. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa</p>	<p>4. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với các trường hợp sau: (Khoản 1, Điều 16, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại</p>

		Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh.
		5. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.
		6. Miễn thuế thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ở Ba

		Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản. (Khoản 1, Điều 4, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013)
<i>Khu kinh tế Vân Đồn</i> <i>Khu kinh tế cửa khẩu</i>	<i>Khu công nghiệp</i>	<i>Ngoài Khu CN, Khu kinh tế, Khu kinh tế cửa khẩu</i>
II. THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU (Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010)		
<p>1. Miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010) hoặc vào địa bàn huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh. Dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được miễn thuế nhập khẩu. Áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ. (Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010)</p> <p>2. Giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ. (Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010).</p> <p>3. Miễn thuế lần đầu đối với hàng hóa là trang thiết bị nhập khẩu như: Hệ thống cung cấp nước các loại; Hệ thống điều hòa và thông gió; Hệ thống phòng cháy</p>		

và chống cháy; Hệ thống xử lý rác và nước thải; Hệ thống vận chuyển (thang máy); Hệ thống giặt là; Hệ thống thiết bị bảo vệ; Máy móc trang thiết bị y tế; Máy rút tiền, thanh toán tiền tự động để tạo tài sản cố định của dự án được ưu đãi về thuế nhập khẩu, dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đầu tư về khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, cơ sở khám, chữa bệnh, đào tạo, văn hóa, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, dịch vụ tư vấn. (Khoản 9 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này)

4. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 hoặc vào địa bàn huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh (trừ các dự án sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy sưởi điện, tủ lạnh, máy giặt, quạt điện, máy rửa bát đĩa, đầu đĩa, dàn âm thanh, bàn là điện, ấm đun nước, máy sấy khô tóc, làm khô tay và những mặt hàng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất. (Khoản 14 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010)

5. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào thị trường trong nước chỉ phải nộp thuế nhập khẩu trên phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong hàng hóa đó. (Khoản 15 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010)

6. Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi và xe ô tô

thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương với xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi) do Nhà thầu nước ngoài nhập khẩu theo phương thức tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu khi tạm nhập và miễn thuế xuất khẩu khi tái xuất. (Khoản 16 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010)

7. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất (trừ trường hợp đi thuê) để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất đã nộp thuế nhập khẩu, khi tái xuất ra khỏi Việt Nam hoặc xuất vào khu phi thuế quan thì được hoàn lại thuế nhập khẩu. (Khoản 9 Điều 15 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010)

Áp dụng với các dự án đầu tư vào các Khu kinh tế cửa khẩu

1. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu (trừ khu phi thuế quan) được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm các hạng mục quy định tại Điều 12 Quyết định 72/2013/QĐ-TTg quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với KKT Cửa khẩu ngày 26/11/2013:

2. Hàng hóa từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. (Điều 12 Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013)

3. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu. (Điều 12 Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013)

4. Hàng hóa là vật liệu xây dựng từ nội địa Việt Nam hoặc từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu đưa vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan được miễn thuế xuất khẩu. (Điều 12 Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013)

5. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu (trừ các dự án sản xuất các sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, sản phẩm điện tử, điện lạnh và những mặt hàng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất. (Điều 12 Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013)

6. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ

phải nộp thuế nhập khẩu tính trên phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong hàng hóa. (Điều 12 Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013)		
<i>Khu kinh tế Vân Đồn</i>	<i>Khu công nghiệp</i>	<i>Ngoài Khu CN, Khu kinh tế, Khu kinh tế cửa khẩu</i>
<i>Khu kinh tế cửa khẩu</i>		

III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Thuế suất 0%: (Khoản 1, Điều 6, Nghị định 209/2013/NĐ-CP)

Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 1 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu.

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, bán vào khu phi thuế quan; công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan; hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; xuất khẩu tại chỗ và các trường hợp khác được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

c) Vận tải quốc tế quy định tại khoản này bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa. Thuế suất 5%: (Khoản 2, Điều 6, Nghị định 209/2013/NĐ-CP)

Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều

8 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Một số trường hợp áp dụng mức thuế suất 5% được quy định cụ thể như sau:

a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.

b) Các sản phẩm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng bao gồm:

- Phân bón là các loại phân hữu cơ, phân vô cơ, phân vi sinh và các loại phân bón khác;
- Quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón;
- Thuốc phòng trừ sâu bệnh bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh khác;
- Các chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

c) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng bao gồm các loại sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như: Cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương.

d) Dịch vụ sơ chế, bảo quản sản phẩm quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng gồm: Phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, xay sát, bảo quản lạnh, ướp muối và các hình thức bảo quản thông thường khác.

đ) Thực phẩm tươi sống quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng gồm các loại thực phẩm chưa được làm chín hoặc chế biến thành các sản phẩm khác.

Lâm sản chưa qua chế biến quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng bao gồm các sản phẩm rừng tự nhiên khai thác thuộc nhóm:

Song, mây, tre, nứa, nôm, mộc nhĩ; rễ, lá, hoa, cây làm thuốc, nhựa cây và các loại lâm sản khác.

e) Sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng.

g) Nhà ở xã hội quy định tại Điểm q Khoản 2 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng là nhà ở do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về giá cho thuê, về giá cho thuê mua, về đối tượng, điều kiện được mua, được thuê, được thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Áp dụng với các dự án đầu tư vào các Khu kinh tế cửa khẩu: (Điều 10, Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013)

1. Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
2. Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
3. Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
4. Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức suất thuế giá trị gia tăng là 0%, trừ những trường

<p>hợp sau:</p> <p>a) Hàng hóa, dịch vụ không được áp dụng thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>b) Hàng hóa không thực hiện thủ tục hải quan khi xuất khẩu từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và từ nội địa Việt Nam vào khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng.</p> <p>5. Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.</p>		
IV. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN		
<p>Người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Khu Kinh tế (Vân Đồn, Móng Cái, Hoàn Mô, Bắc Phong Sinh) được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân. (Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/03/2009 hoặc tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008)</p>		
<i>Khu kinh tế Vân Đồn</i> <i>Khu kinh tế cửa khẩu</i>	<i>Khu công nghiệp</i>	<i>Ngoài Khu CN, Khu kinh tế, Khu kinh tế cửa khẩu</i>
V. CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI		
MIỄN TIỀN THUẾ ĐẤT		
Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với Dự án	Dự án sử dụng đất xây dựng nhà chung cư cho	Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án

đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư	công nhân của các khu công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được đầu tư tại các huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh.
<p>1. Dự án sử dụng đất xây dựng ký túc xá sinh viên bằng tiền từ ngân sách nhà nước, dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hoá) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao, khoa học - công nghệ.</p> <p>2. Trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất.</p> <p>3. Ba (3) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, tại cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.</p> <p>4. Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư</p>		
<p>1. Miễn Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn</p> <p>2. Miễn Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư</p>	<p>1. Miễn Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn</p> <p>2. Miễn Mười một (11) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư</p>	<p>1. Miễn 11 năm đối với dự án đầu tư tại huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích</p>

<p>được đầu tư tại địa bàn</p>	<p>được đầu tư tại địa bàn</p> <p>3. Miễn Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được đầu tư tại địa bàn</p>	<p>đầu tư.</p> <p>2. Miễn 15 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư được đầu tư tại huyện Ba Chẽ, Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc tỉnh.</p>
<p><i>Ưu đãi khác Đối với Khu kinh tế cửa khẩu</i></p> <p>1. Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào KKTCK Móng Cái khi thuê đất, thuê mặt nước ngoài được hưởng các ưu đãi quy định trên còn được áp dụng mức giá thuê đất, thuê mặt nước bằng 30% giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng tại huyện có mức giá thuê đất, thuê mặt nước thấp nhất trong địa bàn tỉnh theo quy định của UBND tỉnh tính từ năm nhà đầu tư hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định trở đi.</p>		

<p>2. Giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư.</p> <p>3. Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.</p>		
---	--	--

VI. KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. Ưu đãi về đất đai

1. Giao đất không thu tiền sử dụng đất:

Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức sử dụng đất vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm về nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (Khoản 2, Điều 33 Luật Đất đai 2003).

2. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (Điều 5 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được giảm 70% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

3. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước (Điều 6 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến

khích đầu tư khi thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được áp dụng mức giá thấp nhất của loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

4. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

5. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

6. Nhà đầu tư thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40% sản lượng được xét giảm tiền thuê tương ứng; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đối với năm bị thiệt hại (Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

4. Đơn giá thuê đất, giá thuê mặt nước:

- Đơn giá thuê đất đối với các dự án đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính bằng tỷ lệ tiền thuê đất ở mức thấp nhất là 0,75% nhân với giá đất nông nghiệp tại khu vực dự án đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm (bắt đầu theo bảng giá đất năm đầu tính tiền thuê đất) và được ổn định 05 (năm) năm.

- Giá thuê mặt nước:

+ Dự án sử dụng mặt nước cố định từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng/km²/năm.

+ Dự án sử dụng mặt nước không cố định từ 50 đến 250 triệu đồng/km²/năm.

(Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 1170/2012/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 của UBND tỉnh về quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh)

II. Ưu đãi về thuế

Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nông nghiệp công nghiệp cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

1. Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (Khoản 1, Điều 15, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013)
2. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo (Khoản 1, Điều 16, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013)

III. Ưu đãi về vốn tín dụng

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc đối tượng đầu tư theo Quy định này chấp hành các quy định về vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, được ưu tiên xem xét vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Quảng Ninh; được miễn phí dịch vụ tư vấn vay vốn, phí cung cấp thông tin phòng ngừa rủi ro khi vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Quảng Ninh.

- Nhà đầu tư được hỗ trợ lãi suất vốn vay khi vay vốn để thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Hạn mức vay và mức lãi suất hỗ trợ thực hiện (Điểm b, Khoản 4 Phần III, Điều 1 Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 - 2015).

IV. Hỗ trợ đầu tư khác

Quy định chi tiết tại Quyết định 3262/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh

VII. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Quyết định số 2339/2013/QĐ-UBND ngày 06/09/2013)

1. Đối với chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN

a) Ưu đãi về tiền thuê đất: Đơn giá thuê đất đối với các dự án đầu tư hạ tầng KCN được tính tỷ lệ tiền thuê đất ở mức thấp nhất là 0,75% nhân với (x) giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hàng năm (bắt đầu theo bảng giá đất năm đầu tính tiền thuê đất) và được ổn định năm (05) năm.

Trường hợp giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm cho thuê đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp.

b) Chính sách về đất xây dựng khu dân cư, tái định cư:

- Chủ đầu tư hạ tầng KCN được tỉnh chấp thuận giao thêm diện tích đất hợp lý để đầu tư xây dựng khu tái định cư, xây dựng nhà ở công nhân và khu chuyên gia phục vụ hậu cần cho KCN.

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN có diện tích từ 100 ha trở lên được xét ưu tiên đầu tư kinh doanh khu đô thị hoặc khu dân cư dịch vụ hạ tầng xã hội ngoài hàng rào đi kèm KCN có diện tích tương ứng từ 30% đến 50% diện tích KCN (Nhà đầu tư phải đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành về kinh doanh bất động sản và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều kiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án kinh doanh hạ tầng khu đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh).

c) Chính sách hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng:

Chủ đầu tư KCN được ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng hình thức ứng trước 30% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo phương án chi trả được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư KCN chỉ được ứng khoản hỗ trợ nêu trên khi đã thực hiện chi trả đạt ít nhất 50% giá trị theo phương án chi trả được duyệt.

d) Về hỗ trợ xây dựng hệ thống nước thải trong KCN: Sau khi triển khai xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư KCN được tỉnh hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư đối với hệ thống xử lý nước thải cho mỗi KCN, nhưng tối đa không quá 30 tỷ đồng.

e) Các ưu đãi khác: Chủ đầu tư KCN được cung cấp miễn phí thông tin về quy hoạch xây dựng và bản đồ địa chính để triển khai thực hiện dự án.

2. Đối với Chủ đầu tư các dự án thứ cấp đầu tư vào KCN

a) Về hỗ trợ đào tạo nghề:

- Các dự án đầu tư mới hoặc dự án mở rộng sản xuất trong KCN được tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động trong và ngoài tỉnh làm việc trong KCN trong thời gian hai (02) năm đầu kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Việc hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề thực hiện thông qua các cơ sở dạy nghề.

- Mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn ban đầu với nghề có thời gian đào tạo dưới 03 tháng bằng 50% mức lương tối thiểu chung/tháng. Đối với các nghề có thời gian đào tạo từ 03 tháng đến dưới 1 năm (trình độ sơ cấp nghề) thì mức hỗ trợ bằng 50% mức lương tối thiểu chung/tháng và tối đa bằng 03 lần mức lương tối thiểu chung/khóa đào tạo.

b) Về hỗ trợ xúc tiến thương mại và đầu tư: Doanh nghiệp trong KCN được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho phép tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại do tỉnh tổ chức, được hỗ trợ chi phí xúc tiến thương mại và đầu tư như sau:

- Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và các chi phí liên quan trực tiếp cho doanh nghiệp tham gia hội chợ quốc gia và quốc tế. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20

triệu đồng/1 lần/1 năm/1 doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% chi phí đi lại cho một chủ doanh nghiệp tham gia chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư của tỉnh.

c) Về hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ: Được hưởng chế độ hỗ trợ đối với hoạt động áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, hỗ trợ hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp và hỗ trợ kinh phí tham gia chợ công nghệ và thiết bị, hội chợ thương hiệu... theo quy định tại Quyết định số 3799/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

d) Về hỗ trợ chi phí thông báo thành lập doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm trên Cổng Thông tin Điện tử của tỉnh Quảng Ninh và website Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh.

- Các doanh nghiệp thứ cấp được miễn phí thông báo thành lập doanh nghiệp, thông báo bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp trên Cổng Thông tin Điện tử của tỉnh Quảng Ninh và website Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh.

- Các doanh nghiệp tham gia quảng cáo sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Quảng Ninh và website Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh được tỉnh hỗ trợ giảm 15% trên tổng số tiền phải trả cho hợp đồng quảng cáo.